

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 2033/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động
các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 781/TTr-SNV ngày 27/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện (sau đây viết tắt là Quy định đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Quang

QUY ĐỊNH

**Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh
và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2033/QĐ-UBND ngày 11/10/2024
của UBND tỉnh Phú Thọ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh

1. Mục đích

- Đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị gắn với thực hiện cải cách hành chính (CCHC) nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị là căn cứ quan trọng để các cấp Ủy đảng và cơ quan chức năng có thẩm quyền đánh giá trách nhiệm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị; xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân hằng năm.

- Từ kết quả đánh giá, xếp loại năm (theo Quyết định phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp loại của UBND tỉnh), các cơ quan, đơn vị xác định được mức độ đạt yêu cầu về chất lượng hoạt động; là cơ sở khoa học để đề ra các giải pháp để khắc phục những hạn chế, cũng như phát huy những mặt tích cực, nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị giúp cơ quan chức năng có thêm căn cứ trong việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong, đặc biệt là các cơ quan, đơn vị trong diện sắp xếp lại theo quy định khung của Chính phủ¹.

2. Yêu cầu

- Xây dựng Bộ chỉ số cần phù hợp với thực tiễn, với chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn. Các tiêu chí đánh giá, xếp loại phải đảm bảo tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, thống nhất, toàn diện.

- Việc đánh giá cần dựa trên kết quả sản phẩm đầu ra, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phản ánh đúng chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị; kết

1. Theo Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 16/02/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

hợp các tiêu chí đánh giá bên trong với các tiêu chí đánh giá bên ngoài tổ chức; kết hợp với kết quả của các chỉ số khác đang được thực hiện.

3. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về thẩm quyền, phương pháp, nội dung, trình tự đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Việc đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị được thực hiện hằng năm. Thời gian được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm đánh giá.

Điều 2. Thẩm quyền đánh giá, đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xếp loại

a) Thẩm quyền đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị: UBND tỉnh.

b) Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị (*sau đây viết tắt là Hội đồng thẩm định*) được thành lập và tổ chức hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, bao gồm Lãnh đạo UBND tỉnh và Lãnh đạo của các cơ quan sau:

- + Sở Nội vụ;
- + Văn phòng UBND tỉnh;
- + Sở Tài chính;
- + Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- + Sở Tư pháp;
- + Sở Thông tin và truyền thông;
- + Thanh tra tỉnh.

- Hội đồng thẩm định có thể đề nghị các cơ quan chuyên môn khác tiến hành thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần liên quan đến hoạt động chuyên môn cụ thể.

c) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu giúp Hội đồng thẩm định của tỉnh triển khai thực hiện các nội dung về đánh giá, xếp loại; Giám đốc Sở Nội vụ Quyết định thành lập Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng thẩm định.

2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*sau đây viết tắt là các cơ quan ngành dọc*).

(Danh sách các cơ quan đơn vị được đánh giá, xếp loại theo Phụ lục 1 đính kèm)

Chương II

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 3. Phương pháp đánh giá

1. Sử dụng phương pháp định lượng bằng điểm số theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần *(có các tài liệu chứng minh liên quan)*; kết hợp kết quả điểm của các chỉ số khác đang được thực hiện và điểm cộng, điểm trừ.

2. Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

a) *Đối tượng khảo sát*

- Phiếu khảo sát dành cho đại biểu HĐND tỉnh: 20 phiếu;

- Phiếu khảo sát dành cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước: 40 phiếu *(thực hiện khảo sát đối với các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức đã có giao dịch hành chính với các cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá)*.

b) *Phương pháp khảo sát*: Thực hiện khảo sát trực tiếp hoặc phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi được lập sẵn; đảm bảo tính độc lập, chính xác, khách quan, trung thực; hướng tới ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, thực hiện.

c) *Đơn vị trực tiếp thực hiện khảo sát*: Giao Sở Nội vụ lựa chọn đơn vị khảo sát ngoài hệ thống tổ chức nhà nước để đảm bảo tính khách quan.

d) *Phúc tra khảo sát*: Giao Sở Nội vụ căn cứ bảng kê thông tin người trả lời phiếu khảo sát, tiến hành phúc tra phiếu khảo sát bằng các hình thức:

- Phúc tra trực tiếp: Trực tiếp đến gặp người trả lời phiếu khảo sát để thực hiện phúc tra.

- Phúc tra gián tiếp: Thông qua số điện thoại của người trả lời phiếu khảo sát để thực hiện phúc tra.

Phiếu khảo sát hợp lệ: Là phiếu được phát đúng đối tượng khảo sát; đối tượng được khảo sát phải trực tiếp trả lời phiếu; phiếu khảo sát phải được điền đầy đủ các thông tin ghi trên phiếu.

3. Đánh giá thông qua một số kênh thông tin khác

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát thực tế tại cơ quan, đơn vị của các cơ quan có thẩm quyền.

- Nội dung phản ánh trên các phương tiện thông tin - truyền thông đã được cơ quan chức năng xác thực hoặc có bằng chứng, nhân chứng xác thực khác.

4. Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND thực hiện đánh giá cho điểm đối với cơ quan, đơn vị.

5. Các công việc: Tự chấm điểm, đính kèm các tài liệu kiểm chứng, giải trình các nội dung tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị; công tác thẩm định của Hội đồng thẩm định được thực hiện trên “*Hệ thống phần mềm điện tử*”.

6. Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị được Hội đồng thẩm định phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 4. Nội dung đánh giá

1. Bộ chỉ số

Bộ chỉ số đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị là một hệ thống các tiêu chí, tiêu chí thành phần phản ánh thực chất, khách quan các kết quả đã đạt được trong toàn bộ quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và được định lượng bằng điểm số. Bộ chỉ số đánh giá, xếp loại được kết cấu thành 04 Chỉ số phù hợp với 04 loại hình cơ quan, đơn vị:

- *Chỉ số 01*: Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, ban, ngành;

- *Chỉ số 02*: Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của UBND các huyện, thành, thị;

- *Chỉ số 03*: Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;

- *Chỉ số 04*: Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

(Bộ chỉ số đánh giá, xếp loại được ban hành kèm Quy định này)

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là: 100 điểm, thông qua các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Cả 04 Chỉ số thống nhất đánh giá theo 07 nội dung có tên gọi và số điểm như nhau; tuy nhiên, tùy theo từng loại hình cơ quan, đơn vị mà các tiêu chí, tiêu chí thành phần có sự khác nhau cho phù hợp. Cơ cấu điểm theo 07 nội dung, như sau:

(1) Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng: **36,5 điểm**;

(2) Kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC): **30,5 điểm**;

(3) Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: **07 điểm**;

(4) Điểm cộng (*Quy định cụ thể trong từng Chỉ số*): **08 điểm**;

(5) Điểm đánh giá thông qua điều tra, khảo sát: **14 điểm**;

(6) Điểm đánh giá của Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh: **04 điểm**.

(7) Điểm trừ (*Có 07 nội dung bị trừ điểm quy định cụ thể trong từng Chỉ số*).

(Chi tiết được thể hiện đầy đủ trong Bộ Chỉ số; căn cứ nhiệm vụ theo từng giai đoạn hoặc từng năm, UBND tỉnh sẽ có văn bản bổ sung hoặc thay đổi các tiêu chí, tiêu chí thành phần cho phù hợp).

Điều 5. Trình tự thực hiện đánh giá, xếp loại

1. Cơ quan, đơn vị tự đánh giá

a) Thực hiện tự chấm điểm (*lần 1*)

- Trên cơ sở kết quả triển khai, thực hiện nhiệm vụ; căn cứ vào các yêu cầu và thang điểm của các “Chỉ số”, cơ quan, đơn vị thực hiện nhập kết quả tự chấm điểm vào “Hệ thống quản lý chấm điểm chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ” (*Sau đây gọi tắt là phần mềm*), theo các tiêu chí của Bộ chỉ số quy định tại Chỉ số 01; Chỉ số 02; Chỉ số 03; Chỉ số 04.

- Giải trình và cung cấp các tài liệu kiểm chứng tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo từng Chỉ số. Tài liệu kiểm chứng là các Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành và được thực hiện ký số (*các tiêu chí tự đánh giá không có giải trình và không có tài liệu kiểm chứng thì không được tính điểm*).

Đối với các tài liệu kiểm chứng mức độ “Mật”: Cơ quan, đơn vị gửi tài liệu kiểm chứng, đồng thời thực hiện giải trình trực tiếp với thành viên của Hội đồng thẩm định theo lĩnh vực phân công.

b) Thực hiện giải trình và bổ sung tài liệu kiểm chứng (*lần 2*): Căn cứ ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định (*thẩm định lần 1*); cơ quan, đơn vị thực hiện giải trình thêm hoặc bổ sung tài liệu kiểm chứng (*nếu có*) nhằm bảo vệ cho mức điểm tự chấm của mình.

2. Thẩm định kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị

Hội đồng thẩm định thực hiện 02 (hai) lần thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm các cơ quan, đơn vị và được tiến hành độc lập trên phần mềm, cụ thể như sau:

a) Thẩm định lần 01

- Căn cứ vào các yêu cầu và thang điểm của các “Chỉ số”;
- Căn cứ vào các tài liệu kiểm chứng và nội dung giải trình việc tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị;
- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và kết quả theo dõi quá trình hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá;

Thành viên Hội đồng thẩm định (*Người thẩm định*) đưa ra quyết định cụ thể cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần như sau:

* Trường hợp đồng ý với việc tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị: Người thẩm định xác nhận “Đồng ý với kết quả tự chấm điểm” vào hộp “giải trình”; đồng thời xác nhận lại số điểm tại cột thẩm định;

* Trường hợp không đồng ý với việc tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị: Người thẩm định xác nhận “Không đồng ý với kết quả tự chấm điểm” vào hộp “giải trình” và nêu rõ lý do trừ điểm hoặc không cho điểm; đồng thời xác nhận lại số điểm tại cột thẩm định (*Có thể xác nhận số điểm thấp hơn so với số điểm tự chấm - theo thang điểm của các “Chỉ số” - hoặc không cho điểm*);

* Trường hợp chưa đủ thông tin hoặc thông tin chưa đảm bảo tính xác thực để kiểm chứng cho điểm tự chấm của cơ quan, đơn vị: Người thẩm định xác nhận “Đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng” vào hộp “giải trình” và nêu rõ cần bổ sung tài liệu

gì; đồng thời xác nhận lại số điểm tại cột thẩm định (*Có thể xác nhận số điểm thấp hơn so với số điểm tự chấm - theo thang điểm của các “Chỉ số” - hoặc không cho điểm*), trường hợp này chỉ áp dụng cho thẩm định lần 1.

b) Thẩm định lần 2: Căn cứ ý kiến giải trình và các tài liệu kiểm chứng được bổ sung của cơ quan, đơn vị; Người thẩm định đưa ra quyết định về điểm số cụ thể cho từng tiêu chí, tiêu chí thành phần; đây là kết quả thẩm định cuối cùng của Hội đồng thẩm định.

3. Đánh giá của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh

Kết thúc thẩm định lần 2, Sở Nội vụ kết xuất kết quả đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị (*kết xuất từ phần mềm*), báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện cho điểm đối với các cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Xếp loại cơ quan, đơn vị

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, được xếp theo thứ tự điểm từ cao đến thấp (*Trường hợp có từ hai cơ quan, đơn vị trở lên có điểm số bằng nhau, thì ưu tiên điểm của nội dung “I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO CHỨC NĂNG”, theo thứ tự từ cao xuống thấp, trường hợp vẫn bằng điểm nhau tính ưu tiên điểm của nội dung “II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH”*); được đánh giá thành 4 mức như sau:

- Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Trên cơ sở tổng hợp điểm của Hội đồng thẩm định; Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chấm điểm, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cơ quan, đơn vị; đồng thời, đảm bảo nguyên tắc: (1) Tỷ lệ không quá 20% tính trên tổng số cơ quan, đơn vị theo từng loại hình; (2) Cơ quan đơn vị được xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” phải đạt được số điểm cao nhất.

- Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75 điểm trở lên.

- Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 60 điểm đến dưới 75 điểm.

- Xếp loại chưa hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 60 điểm.

Điều 7. Thời gian đánh giá và công bố kết quả xếp loại

1. Thời gian tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: Trước ngày 15/12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị thực hiện hoàn thành tự đánh giá, chấm điểm (*theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 5 của Quy định này*).

2. Thời gian thẩm định kết quả tự đánh giá: Từ ngày 15/12 đến 25/12, Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị (*theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, điều 5 của Quy định này*).

Giữa 02 (hai) lần thẩm định, các cơ quan, đơn vị có khoảng thời gian để giải trình và bổ sung tài liệu kiểm chứng (*theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 5 của Quy định này*).

- Trước ngày 28/12, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị bằng hình thức cho điểm (*Mẫu phiếu theo Phụ lục 2 đính kèm*).

3. Thời gian công bố kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện nhiệm vụ

UBND tỉnh xem xét, quyết định công bố kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị trước ngày 31/12 của năm đánh giá.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Giao trách nhiệm

1. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh trong việc tổ chức, triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị. Chủ trì phối hợp với các cơ quan trong Hội đồng thẩm định và các cơ quan có liên quan thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị. Tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định.

- Trình UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch, hướng dẫn triển khai, thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; trình Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho điểm đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại năm của các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với các tiêu chí của bộ Chỉ số. Tổ chức thực hiện khảo sát điều tra xã hội học (*theo quy định tại khoản 2, điều 3 của Quy định này*); tổng hợp, quy đổi ra điểm số tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số; nhập số liệu vào phần mềm. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, vận hành “*Phần mềm chấm điểm chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*”.

- Tham mưu, đưa kết quả đánh giá, xếp loại thành một trong những tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quyết định.

- Theo dõi việc thực hiện chương trình công tác tháng, quý, năm; thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm; đồng thời giúp UBND tỉnh rà soát những việc còn trùng lặp giữa các cơ quan, đơn vị để kịp thời điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho phù hợp.

- Tham mưu với UBND tỉnh tổ chức công bố kết quả và thông báo những tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong quá trình đánh giá để các cơ quan, đơn vị đề ra các giải pháp khắc phục.

- Hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh quyết định.

2. Các cơ quan là thành viên Hội đồng thẩm định

- Có trách nhiệm thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, theo phân công.
- Theo dõi và tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị ở lĩnh vực cơ quan mình được giao quản lý.
- Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan thuộc lĩnh vực của cơ quan mình trong quá trình theo dõi, quản lý nhằm chứng minh tính xác thực việc tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hằng năm tham mưu xác định nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và giao chỉ tiêu cho các cơ quan, đơn vị thực hiện, đồng thời mỗi cơ quan, đơn vị có căn cứ để xác định nhiệm vụ trọng tâm cho ngành và cho cơ quan, đơn vị mình.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Đăng ký, thiết lập và bằng các hình thức, công bố đường dây nóng (hotline) trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử, trụ sở làm việc... để tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công vụ.

5. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối nguồn lực Ngân sách tỉnh, tham mưu báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí để tổ chức, triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị; kinh phí xây dựng, nâng cấp, vận hành “*Phần mềm chấm điểm chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*”.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì lập dự toán kinh phí, phối hợp với Sở Nội vụ để xây dựng, nâng cấp, vận hành “*Phần mềm chấm điểm chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*” đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

Chủ động tham mưu triển khai, thực hiện đánh giá, xếp hạng mức độ Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ, trình UBND tỉnh công bố kết quả trước ngày 28/12 hằng năm để tích hợp với bộ Chỉ số đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị.

7. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện

- Tổ chức quán triệt Quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình.
- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của mình, xác định một nhiệm vụ quan trọng nhất để xây dựng kế hoạch hoặc đề án thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hoàn thiện bằng văn bản các nội dung trong Bộ chỉ số để làm cơ sở kiểm chứng trong quá trình đánh giá, xếp loại.

- Trực tiếp chỉ đạo việc tự đánh giá, chấm điểm chất lượng hoạt động hằng năm; giao bộ phận chuyên môn chủ trì, tổng hợp các nội dung tự đánh giá theo Bộ chỉ số.

- Phối hợp với Hội đồng thẩm định cung cấp các tài liệu, thông tin liên quan để thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần (*Khi có yêu cầu của Hội đồng thẩm định*).

- UBND các huyện, thành, thị, căn cứ nội dung tại Quy định này, nghiên cứu, áp dụng việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã cho phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương.

8. Báo Phú Thọ; Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Thọ; Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về mục đích, nội dung đánh giá, xếp loại nhằm thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi, phản ánh chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức triển khai đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (*nếu có*). Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 10. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỈ SỐ 01

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2033/QĐ-UBND ngày /10/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các yêu cầu và tài liệu kiểm chứng
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO CHỨC NĂNG	36.5	
1.1	Thực hiện chức năng tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	18	
1.1.1	Tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án... theo lĩnh vực được phân công (cứ 01 chương trình, kế hoạch, đề án được phê duyệt đạt: 01 điểm; tối đa không quá 05 điểm).	5	<p>Yêu cầu: (1) Các chương trình, kế hoạch, đề án... (theo giai đoạn hoặc năm) được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong năm đánh giá. Mỗi lĩnh vực chỉ tính 01 chương trình, kế hoạch tổng thể hoặc 01 đề án tổng thể. (2) Các chương trình, kế hoạch, đề án... phải đảm bảo đầy đủ nội dung như: Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp; (3) Trong trường hợp các chương trình, kế hoạch, đề án... theo giai đoạn đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; trong đó giao cơ quan, đơn vị hàng năm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện thì được tính điểm theo yêu cầu của tiêu chí này.</p> <p>TLKC: Các chương trình, kế hoạch, đề án... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>

1.1.2	Kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án (Mỗi chương trình, kế hoạch... được phê duyệt ở tiêu chí thành phần 1.1.1 nói trên, hoàn thành đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng, có báo cáo kết quả được cấp có thẩm quyền ban hành, đạt: 01 điểm, tối đa không quá 05 điểm).	5	<p>Yêu cầu: (1) Các báo cáo cần đảm bảo đầy đủ nội dung như: Đánh giá kết quả thực hiện có so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch; đánh giá ưu điểm, nhược điểm, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân. Rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong thời gian tới. (2) Đối với các chương trình, kế hoạch, đề án...theo giai đoạn (Mà không có kế hoạch hằng năm) sẽ được đánh giá vào năm cuối của giai đoạn.</p> <p>TLKC: (1) Các chương trình, kế hoạch, đề án... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (2) Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án... được cấp có thẩm quyền ban hành.</p>
1.1.3	Tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành theo nhiệm vụ QLNN thuộc lĩnh vực phụ trách (Mỗi văn bản chỉ đạo, điều hành được phê duyệt 0,5 điểm, tổng điểm tối đa không quá 03 điểm).	3	<p>Yêu cầu: Các văn bản chỉ đạo bao gồm: Chỉ thị, thông báo kết luận, văn bản hành chính...của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND về chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc hoặc đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo từng lĩnh vực phụ trách của cơ quan, đơn vị.</p> <p>TLKC: Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND đã được ban hành.</p>
1.1.4	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	5	<p>Yêu cầu: (1) Căn cứ kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Điểm số được tính theo công thức:</p> $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn}) \times 5}{(\text{Tổng số nhiệm vụ được giao})}$ <p>(2) Riêng đối với Văn phòng UBND tỉnh thay bằng tiêu chí: Kết quả đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.</p>
1.2	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm	6	<p>Yêu cầu chung: (1) Căn cứ vào đăng ký nhiệm vụ trọng tâm với UBND tỉnh hằng năm; cơ quan, đơn vị xác định một nhiệm vụ quan</p>

			trọng nhất để tổ chức, triển khai thực hiện trong năm. (2) Trường hợp cơ quan, đơn vị không xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong năm: 0 điểm.
1.2.1	Tham mưu ban hành văn bản (<i>Chương trình, Kế hoạch, Đề án...</i>) để triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: <i>Văn bản đầy đủ nội dung: 02 điểm; Văn bản không đầy đủ nội dung: 01 điểm</i> .	2	Yêu cầu: (1) Nhiệm vụ cần rõ ràng, cụ thể, không dàn trải; có tính khả thi; giải quyết được tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn,... thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; có thể đánh giá được kết quả thực hiện (<i>không bao gồm các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên và không trùng lặp với nội dung của tiêu chí 1.1.1</i>). (2) Đảm bảo đầy đủ nội dung như: Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp. TLKC: (1) Văn bản đăng ký nhiệm vụ trọng tâm với UBND tỉnh; (2) Văn bản triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (3) Các tài liệu khác có liên quan...
1.2.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: (<i>hoàn thành đúng thời hạn, đạt mục tiêu: 04 điểm; hoàn thành chậm so với thời gian quy định hoặc chưa đạt mục tiêu: 02 điểm; chưa hoàn thành: 0 điểm</i>).	4	Yêu cầu: Đánh giá quá trình thực hiện từ việc triển khai đến khi kết thúc nhiệm vụ; có so sánh mức độ hoàn thành với các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra. TLKC: Kết quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
1.3	Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm - Nhiệm vụ đột xuất có kế hoạch hoặc có văn bản triển khai; có báo cáo kết quả: 01 điểm. - Không có nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ nhưng không hoàn thành hoặc hoàn thành chưa đạt chất lượng: 0 điểm.	1	Yêu cầu: Nhiệm vụ đột xuất là nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc ngành, lĩnh vực quản lý (<i>không có trong kế hoạch công tác năm</i>). TLKC: Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.
1.4	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	7.5	
1.4.1	Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hằng năm (<i>Chương trình, kế hoạch xác định đầy đủ nội dung, nhiệm vụ theo chức năng: 01 điểm; đảm bảo thời gian theo yêu cầu: 01 điểm; không ban hành chương trình, kế hoạch hoặc</i>	2	Yêu cầu: (1) Chương trình, kế hoạch công tác năm do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ban hành (trước ngày 28/02 hằng năm) nhằm tổ chức, triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. (2) Đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ (<i>Theo Quyết định của UBND tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn</i>). (3) Xác định rõ nội dung

	<i>ban hành chương trình, kế hoạch không đảm bảo theo yêu cầu: 0 điểm).</i>		công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp. TLKC: Chương trình, kế hoạch công tác năm.
1.4.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.	4	Yêu cầu: (1) Cơ quan, đơn vị không ban hành được chương trình, kế hoạch công tác năm hoặc không có báo cáo tổng kết năm: 0 điểm; (2) Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn}) \times 4}{(\text{Tổng số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch})}$ TLKC: Chương trình, kế hoạch công tác năm; Báo cáo tổng kết năm.
1.4.3	Ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ (Mỗi văn bản hướng dẫn được 0,5 điểm, tổng điểm tối đa không quá 1,5 điểm).	1.5	Yêu cầu: Hằng năm, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực được giao, cơ quan, đơn vị ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm theo đúng quy định. TLKC: Văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý.
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ được phân công phối hợp (Một nội dung, chương trình phối hợp: 0,5 điểm; tối đa không quá 01 điểm).	1	Yêu cầu: (1) Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định và yêu cầu công tác quản lý ngành, lĩnh vực, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp (trong các chương trình, kế hoạch, đề án). (2) Cơ quan, đơn vị tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án...liên ngành để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu quản lý. (3) Các nội dung phối hợp phải cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và phải có báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ theo phân công. TLKC: Chương trình, kế hoạch, đề án...(có nội dung phối hợp); Báo cáo kết quả thực hiện.

1.6	Thực hiện các nội dung về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (<i>Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	<p>Yêu cầu: Hằng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; đồng thời tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, đề án... theo phân công tại Kế hoạch số 5246/KH-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.</p> <p>TLKC: (1) Báo cáo kết quả về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; các chương trình, kế hoạch, đề án...<i>(được phân công)</i>. (2) Các TLKC khác có liên quan. (3) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư để xác định điểm số đạt được.</p>
1.7	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ (<i>Ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ: 0,5 điểm; Chấp hành Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh cộng thêm: 0,5 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: (1) Hằng năm, cơ quan, đơn vị xây dựng ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ.</p> <p>(2) Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh <i>(nếu có)</i>.</p> <p>TLKC: (1) Báo cáo kết quả thực hiện về công tác Văn thư - Lưu trữ theo thẩm quyền. (2) Kết quả theo dõi tổng hợp của Sở Nội vụ.</p>
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	30.5	
2.1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC	6	

2.1.1	Việc ban hành kế hoạch CCHC năm (<i>Ban hành đúng thời gian: 0,5 điểm; Kế hoạch đảm bảo chất lượng cộng thêm: 0,5 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Kế hoạch CCHC phải được ban hành đúng thời gian theo quy định; xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC (<i>theo chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ và Kế hoạch CCHC giai đoạn của tỉnh</i>); xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành.</p> <p>TLKC: Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị trong năm đánh giá.</p>
2.1.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC (<i>Đạt 100% nội dung chương trình/kế hoạch đã đề ra: 01 điểm; Đạt từ 75% đến dưới 100%: 0,5 điểm; đạt dưới 75%: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu:</p> <p style="text-align: center;">(Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành đúng hạn)</p> $\text{Tính tỷ lệ \%} = \frac{\text{(Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch)}}{\text{X 100}}$ <p>TLKC: Kế hoạch CCHC năm, Báo cáo CCHC năm.</p>
2.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo quý, 6 tháng, năm về CCHC	1	
	<i>Các báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian quy định: 01 điểm</i>		<p>Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ nội dung và gửi đúng thời gian quy định.</p> <p>TLKC: Các báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC.</p>
	<i>Có 01 báo cáo chưa đảm về nội dung và thời gian quy định: 0,5 điểm</i>		
	<i>Có từ 02 báo cáo chưa đảm về nội dung và thời gian quy định: 0 điểm</i>		

2.1.4	Công tác tuyên truyền CCHC (<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0,5 điểm; Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0,5 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Nếu tuyên truyền CCHC cả 2 hình thức sau (1) Đăng tải thông tin CCHC trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. (2) Thông qua các cuộc họp giao ban hoặc các buổi sinh hoạt chuyên đề thì điểm đánh giá 0,5 điểm.</p> <p>- Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tham gia các cuộc thi tìm hiểu về CCHC của tỉnh (<i>nếu có</i>) hoặc có các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5 điểm;</p> <p>- Nếu không thực hiện nội dung nào trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>TLKC: (1) Kế hoạch tuyên truyền CCHC (<i>có thể lồng ghép trong Kế hoạch CCHC</i>); Báo cáo CCHC định kỳ trong đó có kết quả tuyên truyền; (2) Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; (3) TLKC khác (<i>nếu có</i>).</p>
2.1.5	Tổ chức, triển khai, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về: Chỉ số CCHC cấp tỉnh (<i>PAR INDEX</i>) đạt: 0,5 điểm; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (<i>SIPAS</i>) cộng thêm: 0,5 điểm; Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (<i>PAPI</i>): cộng thêm 0,5 điểm; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (<i>PCI</i>) cộng thêm: 0,5 điểm.	2	<p>Yêu cầu: Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành Văn bản để tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo đầy đủ các nội dung.</p> <p>TLKC: (1) Văn bản tổ chức, triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị; Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện. (2) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư để xác định điểm số đạt được.</p>
2.2	Cải cách thể chế	4	

2.2.1	<p>Tham mưu ban hành văn bản quy định chi tiết thuộc Danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch UBND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh.</p> <p>- 100% Văn bản được tham mưu ban hành bảo đảm thời gian, chất lượng và tiến độ soạn thảo đạt: 0.5 điểm.</p> <p>- Dưới 100%: 0 điểm.</p>	0.5	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng văn bản quy định chi tiết phải thực hiện bảo đảm đúng thời gian, chất lượng và tiến độ soạn thảo.</p> <p>- Trường hợp trong năm không được giao nhiệm vụ tham mưu ban hành văn bản quy định chi tiết thì đánh giá 0.5 điểm.</p> <p>TLKC: Hồ sơ, tài liệu trình văn bản quy định chi tiết thuộc Danh mục văn bản quy định chi tiết của của các sở, ban, ngành tham mưu; các văn bản khác có liên quan.</p>
2.2.2	<p>Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật (theo ngành, lĩnh vực phụ trách) thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.</p> <p>- 100% VBQPPL tham mưu ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL đạt: 01 điểm</p> <p>- Dưới 100%: 0 điểm</p>	1	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.</p> <p>- Trường hợp trong năm không được giao nhiệm vụ tham mưu ban hành VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh thì đánh giá 01 điểm.</p> <p>TLKC: Hồ sơ, tài liệu gửi Sở Tư pháp thực hiện thẩm định văn bản QPPL do các sở, ban, ngành tham mưu trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh.</p>
2.2.3	<p>Việc ban hành Kế hoạch, Báo cáo phổ biến giáo dục pháp luật (Ban hành Kế hoạch đúng thời gian: 0,25 điểm; Ban hành Báo cáo đúng thời gian: 0,25 điểm).</p>	0.5	<p>Yêu cầu: Kế hoạch, Báo cáo PBGDPL phải được ban hành đúng thời gian theo quy định.</p> <p>TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.</p>

2.2.4	Mức độ thực hiện Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý (<i>Hoàn thành 100% kế hoạch đạt: 0,5 điểm; Đạt từ 85% đến dưới 100%: 0,25 điểm; đạt dưới 85%: 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: (1) Kế hoạch, Báo cáo PBGDPL phải được xác định đầy đủ các nhiệm vụ; xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành.</p> <p>(<i>Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành đúng hạn</i>)</p> <p>(2) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\quad}{\quad} \times 100$</p> <p>(<i>Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch</i>)</p> <p>TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.</p>
2.2.5	Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 01 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch, Báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo thẩm quyền (<i>nếu có sai phạm</i>).</p> <p>TLKC: Kế hoạch, Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; các văn bản khác có liên quan.</p>
2.2.6	Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VB QPPL (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 0,5 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch phải đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.</p> <p>TLKC: Kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của sở, ban, ngành; các văn bản khác có liên quan.</p>
2.3	Cải cách TTHC	5	
2.3.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 0,5 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch phải đúng về nội dung và thời gian theo quy định của UBND tỉnh.</p> <p>TLKC: Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của cơ quan, đơn vị.</p>

2.3.2	Kết quả đạt được sau rà soát, đánh giá TTHC (<i>Có phương án đơn giản hóa TTHC được UBND tỉnh thông qua: 01 điểm; Không có kết quả rà soát: 0</i>).	1	<p>Yêu cầu: Sau khi rà soát các TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách, các cơ quan, đơn vị có phương án đơn giản hóa TTHC, được UBND tỉnh thông qua.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện rà soát, đánh giá TTHC; Các văn bản phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC.</p>
2.3.3	Công bố TTHC theo quy định (<i>Trình UBND tỉnh công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 01 điểm; Không thực hiện hoặc chậm trình công bố việc sửa đổi: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Các sở, ban, ngành có trách nhiệm xây dựng dự thảo trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công bố TTHC, đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo quy định (<i>Trường hợp trong năm không có TTHC mới cần công bố, điểm đánh giá: 01 điểm</i>).</p> <p>TLKC: Các Quyết định công bố TTHC đã được ban hành.</p>
2.3.4	Công khai TTHC (<i>Các TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định: 0,5 điểm; Không niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: Thực hiện công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo các hình thức công khai bắt buộc được quy định tại khoản 6, Điều 1, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p>
2.3.5	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (<i>Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá: 0,5 điểm; Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.</p> <p>TLKC: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; hoặc tài liệu khác có liên quan.</p>
2.3.6	Kết quả giải quyết TTHC (<i>100% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng hạn và trước hạn: 01 điểm; Từ 90% đến dưới 100% được tính theo công thức: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1,0]/100%; Dưới 90%: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: (Tổng số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn) X 100</p> <p>Tính tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong năm của CQ, ĐV)</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả giải quyết TTHC; hoặc các tài liệu khác</p>

			liên quan; kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.
2.3.7	Thực hiện gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân khi đề xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC (100% số hồ sơ quá hạn được thực hiện gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân: 0,5 điểm; Từ 70% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 70%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân (Trường hợp trong năm đánh giá, không có hồ sơ quá hạn thì đánh giá là 0,5 điểm). (Số hồ sơ quá hạn được cơ quan gửi văn bản xin lỗi) Tỷ lệ % = $\frac{\text{Số hồ sơ quá hạn giải quyết trong năm đánh giá}}{\text{Tổng số hồ sơ quá hạn giải quyết trong năm đánh giá}} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; các văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân; hoặc các tài liệu khác có liên quan.
2.4	Cải cách tổ chức bộ máy	2.5	
2.4.1	Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành (Thực hiện đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 01 điểm; Thực hiện chưa đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 0 điểm).	1	Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các văn bản của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh. TLKC: Các Văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; Báo cáo kết quả thực hiện.
2.4.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương (Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Thực hiện đúng theo các quy định của Nghị định 107/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. TLKC: Báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại cơ quan, đơn vị; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
2.4.3	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính (Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Thống kê tổng số biên chế hành chính của cơ quan, đơn vị có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số biên chế hành chính được giao đầu năm đánh giá. TLKC: Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính; Báo cáo thống kê kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; hoặc tài liệu khác

			có liên quan.
2.4.4	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: (1) Thống kê tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSN công lập trực thuộc có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số người làm việc được giao đầu năm đánh giá. (2) Trường hợp cơ quan, đơn vị không có ĐVSN công lập trực thuộc, đạt: 0,5 điểm. TLKC: Quyết định giao số lượng người làm việc trong các ĐVSN công lập; Báo cáo kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; các báo cáo thống kê liên quan; hoặc tài liệu khác có liên quan.
2.5	Cải cách chế độ công vụ	5	
2.5.1	Thực hiện cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (<i>Thực hiện đúng: 0,5 điểm; thực hiện không đúng: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: (1) Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt. (2) Bố trí công chức đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. TLKC: (1) Báo cáo của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu khác có liên quan. (2) Gửi đại diện 5 Bản mô tả công việc và 5 Khung năng lực theo vị trí việc làm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.
2.5.2	Thực hiện cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (<i>Thực hiện đúng: 0,5 điểm; thực hiện không đúng: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: (1) Danh mục vị trí việc làm; Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (2) Bố trí viên chức đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. TLKC: (1) Báo cáo của cơ quan, đơn vị; các văn bản phê duyệt danh mục vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập. (2) Gửi đại diện 5 Bản mô tả công việc và 5 Khung năng lực theo vị trí việc làm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

2.5.3	Bổ nhiệm mới vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành (<i>Thực hiện bổ nhiệm đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện bổ nhiệm chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: (1) Việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành phải bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện và tuân thủ đúng quy trình theo các quy định của Trung ương, của tỉnh. (2) Thống kê danh sách lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm mới trong năm (<i>Trong năm không thực hiện bổ nhiệm mới lãnh đạo cấp phòng và tương đương được đánh giá 0,5 điểm</i>).</p> <p>TLKC: Hồ sơ bổ nhiệm; Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p>
2.5.4	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL trực thuộc (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL trực thuộc phải tuân thủ đúng quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành (<i>Trong năm không tuyển dụng thì đánh giá 0,5 điểm</i>).</p> <p>TLKC: Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...); Báo cáo kết quả tuyển dụng.</p>
2.5.5	Mức độ thực hiện chính sách tinh giản biên chế sự nghiệp công lập trong năm đánh giá theo quy định (<i>Thực hiện đảm bảo 100% theo kế hoạch: 0,5 điểm; Thực hiện dưới 100% theo kế hoạch: 0 điểm</i>).	0.5	<p>Yêu cầu: (Số người tinh giản biên chế thực tế)</p> <p>(1) $Tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Số người tinh giản biên chế thực tế}}{\text{Tổng số biên chế dự kiến tinh giản trong kế hoạch}} \times 100$</p> <p>(2) Cơ quan, đơn vị không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc được: 0,5 điểm.</p> <p>TLKC: Kế hoạch tinh giản biên chế (hoặc Đề án Tinh giản biên chế) của cơ quan; Báo cáo kết quả tinh giản biên chế; hoặc các tài liệu khác liên quan.</p>

2.5.6	Công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (<i>Xây dựng Kế hoạch, Báo cáo công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đầy đủ nội dung, đúng quy định đạt: 0,5 điểm; Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng của tỉnh và thực hiện đúng quy định cộng thêm: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: (1) Hằng năm các cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch, Báo cáo công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định. (2) Cán bộ, công chức, viên chức cần tham gia đầy đủ và thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế của các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch của tỉnh. TLKC: (1) Kế hoạch công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm; (2) Báo cáo kết quả công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị; (3) Kết quả theo dõi, tổng hợp của Sở Nội vụ.
2.5.7	Kết quả xếp loại công chức, viên chức thuộc sở, ban, ngành (<i>100% công chức, viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 01 điểm; Từ 90% - đến dưới 100%: 0,5 điểm; Dưới 90%: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: (Số công chức, viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ) Tỷ lệ % = $\frac{\text{Số công chức, viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ}}{\text{Tổng số công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị}} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức.
2.5.8	Thực hiện, rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) (<i>Thực hiện đúng quy định 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý hồ sơ CB,CC,VC; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.
2.6	Cải cách tài chính công	4	
2.6.1	Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị (<i>Có Quy chế chi tiêu nội bộ đạt: 0,5 điểm; Có Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đạt: 0,5 điểm; Chưa có Quy chế: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo các quy định hiện hành. TLKC: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Kết quả theo dõi của Sở Tài chính; Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
2.6.2	Báo cáo tình hình Quản lý, sử dụng tài sản công (<i>Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; thực hiện chưa đúng quy</i>	1	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 130 và Điều 131 Nghị định 151/2017/NĐ-CP.

	<i>định: 0 điểm).</i>		TLKC: Báo cáo kết quả quản lý quản lý tài sản công; tài liệu khác có liên quan; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.
2.6.3	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (thu nhập tăng thêm đạt từ 30% trở lên: 01 điểm; đạt từ 10% đến dưới 30%: 0,5 điểm; đạt dưới 10%: 0 điểm).	1	Yêu cầu: (1) Giải trình rõ bằng văn bản về kết quả thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức trong năm đánh giá; (<i>Tổng thu nhập tăng thêm của năm</i>) (2) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Thu nhập tăng thêm}}{\text{Tổng quỹ tiền lương của năm đánh giá}} \times 100.$ TLKC: (1) Quy chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt; (2) Tài liệu giải trình khác (nếu có).
2.6.4	Đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn: 0,5 điểm; Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định. TLKC: Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan, đơn vị.
2.6.5	Thực hiện công khai tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; Dưới 100%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc công khai tài chính đảm bảo đúng quy định hiện hành. TLKC: Báo cáo thực hiện công khai tài chính của cơ quan, đơn vị; các tài liệu khác (nếu có).
2.7	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (XD CQĐT, CQS)	4	

	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (được quy đổi từ điểm xếp hạng Chuyển đổi số theo Quyết định công bố của cơ quan có thẩm quyền).	4	<p>Yêu cầu:</p> <p><i>(Điểm xếp hạng chuyển đổi số X 4)</i></p> <p><i>Điểm XD CQĐT, CQS = (Tổng điểm xếp hạng chuyển đổi số)</i></p> <p>TLKC: Kết quả xếp hạng Chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp tài liệu kiểm chứng).</p>
III	THỰC HIỆN KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	7	
3.1	Thực hiện Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh. (Có ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện đạt: 0,5 điểm; Báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ nội dung, đúng quy định đạt: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm)	1	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản để tổ chức, triển khai, thực hiện Đề án và có Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.</p> <p>TLKC: (1) Các Văn bản tổ chức triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án.</p>
3.2	Ban hành Nội quy cơ quan; Quy chế, quy trình làm việc; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (Mỗi nội quy, quy chế được ban hành đảm bảo nội dung theo yêu cầu đạt: 0,5 điểm; không ban hành: 0 điểm).	2	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung, điều chỉnh để ban hành Nội quy, Quy chế (đảm bảo theo đúng quy định tại Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025 và các quy định hiện hành).</p> <p>TLKC: Các Nội quy, Quy chế theo yêu cầu.</p>
3.3	Công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị (Thực hiện đúng theo quy định của Đề án: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm).	1	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các nội dung về công khai, minh bạch như: (Công tác chỉ đạo, điều hành; Việc bố trí, quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công; Công tác tổ chức cán bộ...)</p> <p>TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra; (4) Cung cấp các đường link tới nội dung công khai trên Trang thông tin điện tử (nếu có).</p>

3.4	Thực hiện quy định về trang phục và thẻ cán bộ, công chức, viên chức (<i>Thực hiện đúng theo quy định của Đề án: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các quy định về trang phục và thẻ cán bộ, công chức, viên chức. TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra.
3.5	Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ (<i>có triển khai: 01 điểm; thực hiện có hiệu quả: 01 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ. TLKC: (1) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; (2) Các kết luận (biên bản) thanh tra, kiểm tra; (3) Báo cáo khắc phục các kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra; (4) Báo cáo kết quả năm.
IV	ĐIỂM CỘNG	8	
4.1	Thu hút nguồn lực cho tỉnh từ 2 tỷ trở lên/năm đạt: 01 điểm; từ 1 tỷ đến dưới 2 tỷ, đạt: 0,75 điểm; dưới 1 tỷ, đạt: 0,5 điểm (<i>Nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn huy động từ nhà đầu tư; các nguồn hợp pháp khác</i>).	1	Yêu cầu: Đánh giá sự năng động của cơ quan, đơn vị trong thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài đầu tư cho tất cả các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh (<i>không tính nguồn đầu tư từ ngân sách tỉnh</i>). TLKC: Các Quyết định hoặc dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4.2	Cơ quan có thành tích xuất sắc được khen thưởng: Đạt Cờ của Chính phủ: 02 điểm; đạt Cờ của tỉnh, của bộ ngành 01 điểm; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, bằng khen của bộ, ngành 0,5 điểm.	2	Yêu cầu: Điểm chỉ được tính cho thành tích cao nhất được khen thưởng; các thành tích được khen thưởng tính của năm trước liền kề (<i>Ví dụ: Thành tích được cấp có thẩm quyền Quyết định khen thưởng trong năm 2023 sẽ được tính điểm đánh giá năm 2024</i>). TLKC: Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

4.3	Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát triển năng lực cá nhân, dám nghĩ, dám làm (<i>có cơ chế khuyến khích, tạo động lực: 0,5 điểm; thực hiện có hiệu quả 0,5 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị có Văn bản quy định về chế độ khuyến khích, tin tưởng, tôn trọng, ghi nhận, động viên, tạo động lực, nguồn lực, điều kiện và môi trường để cán bộ phát huy tính năng động, sáng tạo. Thông qua các hình thức như: Qua thưởng; thông qua đánh giá công việc (<i>làm căn cứ để đánh giá trước khi quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển theo hướng ưu tiên bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức...</i>); thông qua môi trường làm việc... TLKC: (1) Văn bản quy định về cơ chế khuyến khích, tạo động lực; (2) Báo cáo giải trình.
4.4	Có sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc (<i>mỗi sáng kiến được 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật và phải được cơ quan có thẩm quyền Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc. TLKC: Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.
4.5	Phân loại phong trào bảo vệ An ninh, Tổ quốc (<i>Hoàn thành xuất sắc đạt: 01 điểm; Hoàn thành tốt đạt: 0,5 điểm; Hoàn thành khá đạt: 0,25 điểm; Hoàn thành trung bình và yếu: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Căn cứ vào Quyết định phân loại phong trào toàn dân bảo vệ An ninh, Tổ quốc của cơ quan có thẩm quyền. TLKC: Kết quả theo dõi, đánh giá của Công an tỉnh.
4.6	Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (<i>Chấp hành nghiêm: 01 điểm; Chấp hành chưa nghiêm: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Sở Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá tiêu chí này.
V	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THÔNG QUA ĐIỀU TRA KHẢO SÁT	14	(Thông qua điều tra xã hội học, lấy phiếu khảo sát đối với cá nhân, tổ chức)
5.1	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát

5.2	Chất lượng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.3	Mức độ về tham mưu với cấp Ủy hoặc cơ quan cấp trên trong tổ chức thực hiện các lĩnh vực phụ trách	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.4	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.5	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.6	Thực hiện các nội dung về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.7	Mức độ hài lòng về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị	3	
5.7.1	Sự hài lòng về tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.2	Sự hài lòng về năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.3	Tình trạng cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8	Tác động đến giải quyết công việc theo thẩm quyền	3	
5.8.1	Sự thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.2	Mức độ đầy đủ của thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.3	Sự hài lòng trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc có liên quan đến trách nhiệm giải quyết của cơ	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát

	quan, đơn vị.		
5.9	Đánh giá về Cổng/Trang Thông tin điện tử	2	
5.9.1	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
VI	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH	4	
VII	ĐIỂM TRỪ		
7.1	Để xảy ra vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Trừ 03 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.2	Để xảy ra vi phạm một trong những việc công chức, viên chức không được làm quy định tại các Điều 18, 19, 20 Mục 4 Luật Cán bộ, công chức và Điều 19 Luật Viên chức.	Tối đa trừ 02 điểm	Yêu cầu: Tính tỷ lệ % số công chức, viên chức vi phạm: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{\text{(Số công chức, viên chức vi phạm)}}{\text{(Tổng số công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị)}} \times 100$ (1) Cơ quan, đơn vị có tỷ lệ công chức, viên chức vi phạm từ 5% trở lên, trừ: 02 điểm. (2) Cơ quan, đơn vị có tỷ lệ công chức, viên chức vi phạm dưới 5% trở lên, trừ: 01 điểm. TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng hoặc bằng chứng xác thực (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.3	Để cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng theo quy định tại Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Mỗi hành vi vi phạm trừ 02 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).

7.4	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Mỗi văn bản trái pháp luật bị trừ 01 điểm	TLKC: Văn bản đình chỉ, hủy bỏ của cơ quan có thẩm quyền (<i>Sở Tư pháp phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.5	Có vụ việc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo lên cấp trên.	Tối đa trừ 02 điểm	<p>Yêu cầu:</p> <p>(1) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải sửa đổi biện pháp, kết quả giải quyết thì trừ 01 điểm.</p> <p>(2) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải hủy bỏ kết quả giải quyết của Giám đốc các sở, ban, ngành thì trừ 02 điểm.</p> <p>TLKC: Kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>
7.6	Đề Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; chương trình, kế hoạch, đề án... đến hạn mà chưa hoàn thành.	Mỗi nội dung bị nhắc nhở, bị chậm trừ 02 điểm	TLKC: Văn bản phê bình, nhắc nhở (<i>Văn phòng UBND tỉnh thu thập và cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.7	Đề cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu làm cản trở cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.	Mỗi một ý kiến phản ánh bị trừ 01 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>) hoặc có bằng chứng xác thực khác.
	TỔNG ĐIỂM	100	

CHỈ SỐ 02
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2033/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các yêu cầu và tài liệu kiểm chứng
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO CHỨC NĂNG	36.5	
1.1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển về kinh tế	6	
1.1.1	<p>Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của huyện do cấp có thẩm quyền thông qua. <i>(Số chỉ tiêu đã hoàn thành)</i></p> <p><i>Điểm tính theo CT: X</i></p> <p><i>4</i></p> <p><i>(Tổng số chỉ tiêu được giao trong kế hoạch năm)</i></p>	4	<p>Yêu cầu: (1) Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để xác định những chỉ tiêu về "Phát triển kinh tế" cần đạt được trong năm đánh giá. (2) Căn cứ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp huyện để xác định kết quả đạt được của những chỉ tiêu về "Phát triển kinh tế".</p> <p>TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp huyện.</p>
1.1.2	<p>Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch được giao <i>(từ 30% trở lên: 02 điểm; dưới 30%: điểm được tính theo công thức:</i></p> <p><i>[Tỷ lệ % thu ngân sách tăng thêm x 2]/30%).</i></p> <p><i>Lưu ý: Nếu chỉ tiêu về phát triển kinh tế được điều chỉnh giảm trong năm thì không được tính tiêu chí điểm cộng.</i></p>	2	<p>Yêu cầu: (1) Căn cứ chỉ tiêu về thu ngân sách nêu trong Nghị quyết của HĐND cấp huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; (2) Căn cứ kết quả về tổng thu ngân sách trên địa bàn cấp huyện nêu tại Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp huyện.</p> <p>TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp huyện.</p>

1.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ Xã hội, Môi trường	5.5	
1.2.1	Hoàn thành các chỉ tiêu về xã hội được cấp có thẩm quyền (Số chỉ tiêu hoàn thành) Điểm tính theo công thức: $X = \frac{\text{Tổng số chỉ tiêu được giao}}{3}$	3	Yêu cầu: (1) Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để xác định những chỉ tiêu về "Xã hội" cần đạt được trong năm đánh giá; (2) Căn cứ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp huyện để xác định kết quả đạt được của những chỉ tiêu về "Xã hội". TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp huyện.
1.2.2	- Hoàn thành các chỉ tiêu về môi trường được cấp có thẩm quyền (Số chỉ tiêu hoàn thành) (Điểm tính theo công thức: $X = 2.5$) (Tổng số chỉ tiêu được giao)	2.5	Yêu cầu: (1) Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để xác định những chỉ tiêu về "Môi trường" cần đạt được trong năm đánh giá; (2) Căn cứ Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm đánh giá của UBND cấp huyện để xác định kết quả đạt được của những chỉ tiêu về "Môi trường". TLKC: (1) Văn bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm của UBND cấp huyện.
1.3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh	4	
1.3.1	Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng được cấp có thẩm quyền (Số chỉ tiêu hoàn thành) (Điểm tính theo công thức: $X = 2$) (Tổng số chỉ tiêu được giao)	2	TLKC: (1) Chỉ tiêu được giao; (2) Báo cáo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; (3) Kết quả đánh giá, xếp loại của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.
1.3.2	Hoàn thành các chỉ tiêu về an ninh được cấp có thẩm quyền	2	TLKC: (1) Chỉ tiêu được giao; (2) Báo cáo thực hiện nhiệm vụ an ninh; (3) Kết quả đánh giá, xếp loại của Công an tỉnh.

	(Số chỉ tiêu hoàn thành) (Điểm tính theo công thức: 2) X (Tổng số chỉ tiêu được giao)		
1.4	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm	5	Yêu cầu chung: (1) Căn cứ vào đăng ký nhiệm vụ trọng tâm với UBND tỉnh hàng năm; cơ quan, đơn vị xác định một nhiệm vụ quan trọng nhất để tổ chức, triển khai thực hiện trong năm. (2) Trường hợp cơ quan, đơn vị không xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong năm: 0 điểm.
1.4.1	Tham mưu ban hành văn bản (Chương trình, Kế hoạch, Đề án...) để triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: Văn bản đầy đủ nội dung: 01 điểm; Văn bản không đầy đủ nội dung: 0 điểm.	1	Yêu cầu: (1) Nhiệm vụ cần rõ ràng, cụ thể, không dàn trải; có tính khả thi; giải quyết được tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn,... thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý; có thể đánh giá được kết quả thực hiện (không bao gồm các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên). (2) Đảm bảo đầy đủ nội dung như: Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp. TLKC: (1) Văn bản đăng ký nhiệm vụ trọng tâm với UBND tỉnh; (2) Văn bản triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (3) Các tài liệu khác có liên quan...
1.4.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: (hoàn thành đúng thời hạn, đạt mục tiêu: 04 điểm; hoàn thành chậm so với thời gian quy định hoặc chưa đạt mục tiêu: 02 điểm; chưa hoàn thành: 0 điểm).	4	Yêu cầu: Đánh giá quá trình thực hiện từ việc triển khai đến khi kết thúc nhiệm vụ; có so sánh mức độ hoàn thành với các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra. TLKC: Kết quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm - Nhiệm vụ đột xuất có kế hoạch hoặc có văn bản triển khai; có báo cáo kết quả: 01 điểm. - Không có nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ nhưng không hoàn thành hoặc hoàn thành chưa đạt chất	1	Yêu cầu: Nhiệm vụ đột xuất là nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý (không có trong kế hoạch công tác năm). TLKC: Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.

	lượng: 0 điểm.		
1.6	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	2	<p>Yêu cầu: Căn cứ kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;</p> <p>Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{\text{(Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn)} \times 2}{\text{(Tổng số nhiệm vụ được giao)}}$</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.</p>
1.7	Thực hiện công tác quản lý đất đai và môi trường (<i>thực hiện tốt: 02 điểm; thực hiện chưa tốt, có phản ánh kiến nghị và có ý kiến xác thực của cơ quan chức năng: 0 điểm</i>).	2	<p>Yêu cầu: (1) Căn cứ thẩm quyền quản lý đất đai và môi trường, UBND cấp huyện xây dựng, ban hành các Văn bản để tổ chức thực hiện; (2) Thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất; (3) Hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các dự án đầu tư.</p> <p>TLKC: (1) Báo cáo công tác quản lý về đất đai, môi trường; (2) Tài liệu khác có liên quan; (3) Ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>

1.8	<p>Thực hiện công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn cấp huyện (<i>thực hiện tốt: 02 điểm; thực hiện chưa tốt, có phản ánh kiến nghị và có ý kiến xác thực của cơ quan chức năng: 0 điểm</i>).</p>	2	<p>Yêu cầu: (1) Căn cứ thẩm quyền quản lý về công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, UBND cấp huyện xây dựng, ban hành các Văn bản đề tổ chức thực hiện. (2) Thực hiện công bố, công khai các quy hoạch xây dựng. (3) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực Xây dựng theo quy định. TLKC: (1) Báo cáo về công tác quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; (2) Tài liệu khác có liên quan; (3) Ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng.</p>
1.9	<p>Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn phát triển</p>	2	
1.9.1	<p>Thực hiện các nội dung về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (<i>Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).</p>	1	<p>Yêu cầu: Hằng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; đồng thời tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, đề án... theo phân công tại Kế hoạch số 5246/KH-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. TLKC: (1) Báo cáo kết quả về việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; các chương trình, kế hoạch, đề án...<i>(được phân công)</i>. (2) Các TLKC khác có liên quan. (3) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư để xác định điểm số đạt được.</p>

1.9.2	Đổi thoại của lãnh đạo huyện với người dân, doanh nghiệp (Có tổ chức đổi thoại đạt: 0.5 điểm; Có văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại cuộc đổi thoại thì đạt: 0.5 điểm)	1	<p>Yêu cầu: (1) Hằng năm, UBND cấp huyện tổ chức các diễn đàn/đổi thoại trực tiếp hoặc trực tuyến giữa lãnh đạo UBND cấp huyện với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn (<i>phải theo chuyên đề, không tính các cuộc tiếp công dân và tiếp xúc cử tri định kỳ</i>); (2) Chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đổi thoại/diễn đàn.</p> <p>TLKC: (1) Văn bản tổ chức các cuộc đổi thoại; tổng hợp kiến nghị, đề xuất. (2) Các văn bản chỉ đạo về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất. (3) Kết quả giải quyết kiến nghị, đề xuất. (4) Ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
1.10	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	5	
1.10.1	Xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hằng năm (<i>Chương trình, kế hoạch xác định đầy đủ các nhiệm vụ: 01 điểm; thể hiện đầy đủ nội dung: 01 điểm</i>); không có chương trình, kế hoạch không tính điểm.	2	<p>Yêu cầu: (1) Chương trình, kế hoạch công tác năm do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ban hành nhằm tổ chức, triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; (2) Đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ (<i>Theo quy định của pháp luật</i>); xác định rõ nội dung công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức, cá nhân phối hợp.</p> <p>TLKC: Chương trình, kế hoạch năm (hoặc chương trình công tác tháng, quý, năm) được ban hành.</p>
1.10.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.	3	<p>Yêu cầu: (1) Cơ quan, đơn vị không ban hành được chương trình, kế hoạch công tác năm hoặc không có báo cáo tổng kết năm: 0 điểm; (2) Điểm số được tính theo công thức: $\text{Điểm đạt được} = \frac{\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn}}{\text{Tổng số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch}} \times 3$</p> <p>TLKC: (1) Chương trình, kế hoạch năm (hoặc Chương trình công tác tháng, quý, năm); (2) Báo cáo tổng kết năm.</p>

1.11	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công phối hợp (Một chương trình phối hợp 0,5 điểm; tối đa không quá 01 điểm).	1	Yêu cầu: (1) Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định và yêu cầu công tác quản lý ngành, lĩnh vực, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp (trong các chương trình, kế hoạch, đề án); (2) Cơ quan, đơn vị tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án...liên ngành để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu quản lý; (3) Các nội dung phối hợp phải cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và phải có báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ theo phân công. TLKC: Chương trình, kế hoạch, đề án...(có nội dung phối hợp); Báo cáo kết quả thực hiện.
1.12	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ (Ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ: 0,5 điểm; Chấp hành Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh cộng thêm: 0,5 điểm).	1	Yêu cầu: (1) Hằng năm, cơ quan, đơn vị xây dựng ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ; (2) Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh (nếu có). TLKC: (1) Báo cáo kết quả thực hiện về công tác Văn thư - Lưu trữ theo thẩm quyền; (2) Kết quả theo dõi tổng hợp của Sở Nội vụ.
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	30.5	
2.1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC	6	
2.1.1	Việc ban hành kế hoạch CCHC năm (Ban hành đúng thời gian: 0,5 điểm; Kế hoạch đảm bảo chất lượng cộng thêm: 0,5 điểm).	1	Yêu cầu: Kế hoạch CCHC phải được ban hành đúng thời gian theo quy định; xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC (theo chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ và Kế hoạch CCHC giai đoạn của tỉnh), xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành. TLKC: Kế hoạch CCHC của năm đánh giá.

2.1.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC (<i>Đạt 100% nội dung chương trình/kế hoạch đã đề ra: 01 điểm; Đạt từ 75% đến dưới 100%: 0,5 điểm; đạt dưới 75%: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: <i>(Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành đúng hạn)</i> <i>Tính tỷ lệ % =</i> $\frac{\text{Số thực hiện}}{\text{Số kế hoạch}} \times 100$ <i>(Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch)</i></p> <p>TLKC: Kế hoạch CCHC năm, Báo cáo CCHC năm.</p>
2.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo quý, 6 tháng, năm về CCHC	1	
	<p><i>Các báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian quy định: 01 điểm</i></p> <p><i>Có 01 báo cáo chưa đảm về nội dung và thời gian quy định: 0,5 điểm</i></p> <p><i>Có từ 02 báo cáo chưa đảm về nội dung và thời gian quy định: 0 điểm</i></p>		<p>Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ nội dung và gửi đúng thời gian quy định.</p> <p>TLKC: Các báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC.</p>
2.1.4	Công tác tuyên truyền CCHC (<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0,5 điểm; Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0,5 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Nếu tuyên truyền CCHC bằng các hình thức sau (1) Đăng tải thông tin CCHC trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. (2) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề về CCHC. (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài Truyền thanh huyện thì điểm đánh giá 0,5 điểm.</p> <p>- Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; sân khấu hóa hoặc có các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5 điểm;</p> <p>- Nếu không thực hiện nội dung nào trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>TLKC:</p> <p>- Kế hoạch tuyên truyền CCHC (<i>có thể lồng ghép trong Kế hoạch CCHC</i>); Báo cáo CCHC định kỳ trong đó có kết quả tuyên truyền;</p> <p>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</p>

			- TLKC khác (nếu có).
2.1.5	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra CCHC trong năm (Trên 30% số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra trong năm: 0,5 điểm; Từ 20 - 30%: 0,25 điểm; Dưới 20%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: (Tổng số đơn vị hành chính cấp xã được thanh tra, kiểm tra trong năm) Tỷ lệ % = $\frac{\text{Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra}}{\text{Tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện}} \times 100$ TLKC: Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; Các thông báo kết luận kiểm tra.
2.1.6	Xử lý các vấn đề phát hiện sau thanh tra, kiểm tra CCHC (100% các vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm; Từ 85% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 85%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: (Tổng số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý) Tỷ lệ % = $\frac{\text{Số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý}}{\text{Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra}} \times 100$ TLKC: Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra; các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.
2.1.7	Tổ chức, triển khai, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về: Chỉ số CCHC cấp tỉnh (PAR INDEX) đạt: 0,25 điểm; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) cộng thêm: 0,25 điểm; Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI): cộng thêm 0,25 điểm; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cộng thêm: 0,25 điểm.	1	Yêu cầu: Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành Văn bản để tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo đầy đủ các nội dung. TLKC: (1) Văn bản tổ chức, triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị; Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện. (2) Kết hợp với kết quả theo dõi về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư để xác định điểm số đạt được.
2.2	Cải cách thể chế	3	

2.2.1	Việc ban hành Kế hoạch, Báo cáo phổ biến giáo dục pháp luật (<i>Ban hành Kế hoạch đúng thời gian: 0,25 điểm; Ban hành Báo cáo đúng thời gian: 0,25 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch, Báo cáo PBGDPL phải được ban hành đúng thời gian theo quy định. TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.
2.2.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý (<i>Hoàn thành 100% kế hoạch đạt: 0,5 điểm; Đạt từ 85% đến dưới 100%: 0,25 điểm; đạt dưới 85%: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: (1) Kế hoạch, Báo cáo PBGDPL phải được xác định đầy đủ các nhiệm vụ; xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành. (Số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành) (2) Tính tỷ lệ % = $\frac{\text{Số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành}}{\text{Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm trong kế hoạch}} \times 100\%$ TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.
2.2.3	Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 01 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch, Báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo thẩm quyền (<i>nếu có sai phạm</i>). TLKC: Kế hoạch, Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; các văn bản khác có liên quan.
2.2.4	Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 01 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Kế hoạch phải đảm bảo đúng yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. TLKC: Kế hoạch công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của UBND huyện; các văn bản khác có liên quan.
2.3	Cải cách TTHC	5.5	

2.3.1	Ban hành Kế hoạch Kiểm soát TTHC (Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 0,5 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Kế hoạch phải được ban hành đúng về nội dung và thời gian theo quy định của UBND tỉnh. TLKC: Kế hoạch Kiểm soát TTHC của UBND huyện.
2.3.2	Cập nhật, công khai tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả của UBND cấp huyện (100% TTHC được cập nhật, công khai kịp thời: 0,5 điểm; Từ 85% dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 85%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tính tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số TTHC được cập nhật, công khai})}{(\text{Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh})} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan.
2.3.3	Cập nhật, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện (100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được cập nhật, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cấp huyện: 0,5 điểm; Từ 85% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 85%: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: $\text{Tính tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Tổng số TTHC được cập nhật, công khai trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện})}{(\text{Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo quyết định công bố bộ TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh})} \times 100$ - Cung cấp các đường link công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của cấp huyện. TLKC: (1) Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan; (2) Kết quả kiểm tra trực tiếp trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện.
2.3.4	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá: 0,5 điểm; Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm).	0.5	Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP. TLKC: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; hoặc tài liệu khác có liên quan.

2.3.5	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện (100% TTHC thuộc thẩm quyền được đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa: 0,5 điểm; Từ 80% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 80%: 0 điểm).	0.5	<p>Yêu cầu: (Tổng số TTHC được đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Số\ TTHC\ được\ đưa\ vào\ giải\ quyết\ theo\ cơ\ chế\ một\ cửa}}{\text{Tổng\ số\ TTHC\ thuộc\ thẩm\ quyền\ tiếp\ nhận\ và\ giải\ quyết\ theo\ quyết\ định\ công\ bố\ của\ Chủ\ tịch\ UBND\ tỉnh}} \times 100$ (Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh) Lưu ý: Trừ một số TTHC không thực hiện tại Bộ phận một cửa theo điều 14 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. TLKC: Văn bản triển khai; Báo cáo của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan.</p>
2.3.6	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND cấp xã (100% TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã được đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa: 0,5 điểm; Từ 80% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 80%: 0 điểm).	0.5	<p>Yêu cầu: (Tổng số TTHC được đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa tại UBND cấp xã) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Số\ TTHC\ được\ đưa\ vào\ giải\ quyết\ theo\ cơ\ chế\ một\ cửa}}{\text{Tổng\ số\ TTHC\ thuộc\ thẩm\ quyền\ tiếp\ nhận\ và\ giải\ quyết\ theo\ quyết\ định\ công\ bố\ của\ Chủ\ tịch\ UBND\ tỉnh}} \times 100$ (Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết theo quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh) Lưu ý: Trừ một số TTHC không thực hiện tại Bộ phận một cửa theo điều 14 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. TLKC: Văn bản triển khai, yêu cầu thực hiện của UBND cấp huyện đối với UBND cấp xã; Báo cáo của UBND cấp xã hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan.</p>
2.3.7	Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (100% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng hạn và trước hạn: 01 điểm; Từ 90% đến dưới 100% được tính theo công thức: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1,0]/100%; Dưới 90%: 0 điểm).	1	<p>Yêu cầu: (Tổng số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Số\ hồ\ sơ\ được\ giải\ quyết\ đúng\ và\ sớm\ hạn}}{\text{Tổng\ số\ hồ\ sơ\ được\ tiếp\ nhận\ tại\ Bộ\ phận\ tiếp\ nhận\ và\ trả\ kết\ quả\ của\ UBND\ cấp\ huyện}} \times 100$ (Tổng số hồ sơ được tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện) TLKC: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm.</p>

2.3.8	<p>Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã (100% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng hạn và trước hạn: 01 điểm; Từ 90% đến dưới 100% được tính theo công thức: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1,0]/100%; Dưới 90%: 0 điểm)</p>	1	<p>Yêu cầu: (Tổng số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Số hồ sơ đúng hạn}}{\text{Tổng số hồ sơ}} \times 100$ (Tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong năm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã) TLKC: Báo cáo kết quả giải quyết TTHC; hoặc các tài liệu khác liên quan; kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p>
2.3.9	<p>Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (100% số hồ sơ quá hạn được thực hiện gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân: 0,5 điểm; Từ 70% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 70 %: 0 điểm).</p>	0.5	<p>Yêu cầu: Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân (Trường hợp trong năm đánh giá, không có hồ sơ quá hạn thì đánh giá là 0,5 điểm). $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{Số hồ sơ quá hạn được cơ quan gửi văn bản xin lỗi}}{\text{Tổng số hồ sơ quá hạn giải quyết trong năm đánh giá}} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; các văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân; hoặc các tài liệu khác có liên quan.</p>
2.4	Cải cách tổ chức bộ máy	2.5	
2.4.1	<p>Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện (Thực hiện đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 0 điểm).</p>	0.5	<p>Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các văn bản của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh. TLKC: Các Văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; Báo cáo kết quả thực hiện.</p>

2.4.2	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định mới tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ. TLKC: Báo cáo thống kê về số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
2.4.3	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Thống kê tổng số biên chế hành chính của UBND huyện có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số biên chế hành chính được giao đầu năm đánh giá. TLKC: Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính; Báo cáo thống kê kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá, hoặc tài liệu khác có liên quan.
2.4.4	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSN công lập thuộc UBND cấp huyện có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số người làm việc được giao đầu năm đánh giá. TLKC: Quyết định giao số lượng người làm việc trong các ĐVSN công lập; Báo cáo kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; các báo cáo thống kê liên quan; hoặc tài liệu khác có liên quan.
2.4.5	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý (<i>Thực hiện đúng theo quy định: 0,5 điểm; Không thực hiện đúng các quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của bộ, ngành, của tỉnh về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. TLKC: (1) Các văn bản tổ chức triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước; (3) Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
2.5	Cải cách chế độ công vụ	5	
2.5.1	Thực hiện cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (<i>Thực hiện đúng: 0,5 điểm; thực hiện</i>	0.5	Yêu cầu: Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt.

	<i>không đúng: 0 điểm).</i>		Bố trí công chức đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. TLKC: Báo cáo của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu khác có liên quan; Gửi đại diện 5 Bản mô tả công việc và 5 Khung năng lực theo vị trí việc làm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.
2.5.2	Bổ nhiệm mới vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện (<i>Thực hiện bổ nhiệm đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện bổ nhiệm chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: (1) Việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện phải bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện và tuân thủ đúng quy trình theo các quy định của Trung ương, của tỉnh (2) Thống kê danh sách lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới trong năm (<i>Trong năm không thực hiện bổ nhiệm mới lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện được đánh giá 0,25 điểm</i>). TLKC: Hồ sơ bổ nhiệm; Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.
2.5.3	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định (<i>Trong năm không tuyển dụng thì đánh giá 0,25 điểm</i>). TLKC: Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).
2.5.4	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,25 điểm; thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.25	Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL trực thuộc phải tuân thủ đúng quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành (<i>Trong năm không tuyển dụng thì đánh giá 0,25 điểm</i>). TLKC: Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...); Báo cáo kết quả tuyển dụng.

2.5.5	Mức độ thực hiện chính sách tinh giản biên chế sự nghiệp công lập trong năm đánh giá theo quy định (Thực hiện đảm bảo 100% theo kế hoạch: 0,25 điểm; Thực hiện dưới 100% theo kế hoạch: 0 điểm).	0.25	<p>Yêu cầu: <i>(Số người tinh giản biên chế thực tế trong năm đánh giá)</i> <i>Tính tỷ lệ % =</i> <i>(Tổng số biên chế dự kiến tinh giản trong kế hoạch)</i> TLKC: Kế hoạch tinh giản biên chế (hoặc Đề án Tinh giản biên chế) của cơ quan; Báo cáo kết quả tinh giản biên chế; hoặc các tài liệu khác liên quan.</p>
2.5.6	Công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (Xây dựng Kế hoạch, Báo cáo công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đầy đủ nội dung, đúng quy định đạt: 0,5 điểm; Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng của tỉnh và thực hiện đúng quy định cộng thêm: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	1	<p>Yêu cầu: (1) Hằng năm các cơ quan, đơn vị ban hành Kế hoạch, Báo cáo công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định. (2) Cán bộ, công chức, viên chức cần tham gia đầy đủ và thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế của các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch của tỉnh. TLKC: (1) Kế hoạch công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm; (2) Báo cáo kết quả công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị; (3) Kết quả theo dõi, tổng hợp của Sở Nội vụ.</p>
2.5.7	Kết quả xếp loại công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện (100% công chức, viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 0,5 điểm; Từ 90% - đến dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 90%: 0 điểm).	0.5	<p>Yêu cầu: <i>(Số công chức, viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ)</i> <i>Tính tỷ lệ % =</i> <i>(Tổng số công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện)</i> TLKC: Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức.</p>
2.5.8	Tỷ lệ đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức cấp xã (100% công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: 0,5 điểm; Từ 80% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 80%: 0 điểm).	0.5	<p>Yêu cầu: Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (riêng đối với chức danh Chỉ huy trưởng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo quy định của ngành). <i>(Tổng số công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ)</i> <i>Tính tỷ lệ % =</i> <i>x 100</i></p>

			(<i>Tổng số công chức cấp xã</i>) TLKC: Thống kê số lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền.
2.5.9	Tỷ lệ đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ cấp xã (<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: 0,5 điểm; Từ 80% - dưới 100%: 0,25 điểm; Dưới 80%: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Cán bộ cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. (<i>Tổng số cán bộ cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ</i>) Tỷ lệ % = $\frac{\text{Số cán bộ đạt chuẩn}}{\text{Tổng số cán bộ cấp xã}} \times 100$ TLKC: Thống kê số lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền.
2.5.10	Thực hiện, rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC (<i>Thực hiện đúng quy định 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý hồ sơ CB,CC,VC; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.
2.6	Cải cách tài chính công	4.5	
2.6.1		1	Yêu cầu: (<i>Số tiền NSNN đã giải ngân</i>) Tỷ lệ % = $\frac{\text{Số tiền NSNN đã giải ngân}}{\text{Tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo kế hoạch}} \times 100$ TLKC: Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn

	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN Điểm đánh giá được tính theo công thức: [Tỷ lệ % giải ngân KH đầu tư vốn NSNN × 1.00] 100%		ngân sách nhà nước; các tài liệu khác có liên quan.
2.6.2	Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị (<i>Có Quy chế chi tiêu nội bộ đạt: 0,5 điểm; Có Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đạt: 0,5 điểm; Chưa có Quy chế: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo các quy định hiện hành. TLKC: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Kết quả theo dõi của Sở Tài chính; Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
2.6.3	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (<i>thu nhập tăng thêm đạt từ 30% trở lên: 0,5 điểm; đạt từ 10% đến dưới 30%: 0,25 điểm; đạt dưới 10%: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: (1) Giải trình rõ bằng văn bản về kết quả thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức trong năm đánh giá. (<i>Tổng thu nhập tăng thêm của năm</i>) (2) Tính tỷ lệ % = $\frac{\text{Tổng thu nhập tăng thêm của năm}}{\text{Tổng quỹ tiền lương của năm đánh giá}} \times 100$ TLKC: (1) Quy chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt; (2) Tài liệu giải trình khác (Nếu có).
2.6.4	Đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (<i>Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi đúng thời hạn: 0,5 điểm; Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0 điểm</i>).	0.5	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định. TLKC: Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan, đơn vị.
2.6.5	Thực hiện công khai tài chính của UBND cấp huyện (<i>Thực hiện đúng quy định: 0,5 điểm; Thực hiện không</i>	0.5	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc công khai tài chính đảm bảo đúng quy định hiện hành.

	<i>đúng quy định: 0 điểm).</i>		TLKC: Báo cáo thực hiện công khai tài chính của cơ quan, đơn vị; các tài liệu khác (nếu có).
2.6.6	Báo cáo tình hình Quản lý, sử dụng tài sản công (<i>Thực hiện đúng quy định 01 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 130 và Điều 131 Nghị định 151/2017/NĐ-CP. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý tài sản công; tài liệu khác có liên quan; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.
2.7	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (XD CQĐT, CQS)	4	
	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (<i>được quy đổi từ điểm xếp hạng mức độ Chuyển đổi số theo Quyết định công bố của cơ quan có thẩm quyền</i>).	4	Yêu cầu: (Điểm xếp hạng chuyển đổi số X 4) Điểm XD CQĐT, CQS = (Tổng điểm xếp hạng chuyển đổi số) TLKC: Kết quả xếp hạng Chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp tài liệu kiểm chứng).
III	THỰC HIỆN KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	7	
3.1	Thực hiện Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh. (<i>Có ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện đạt: 0,5 điểm; Báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ nội dung, đúng quy định đạt: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản để tổ chức, triển khai, thực hiện Đề án và có Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. TLKC: (1) Các Văn bản tổ chức triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án.
3.2	Ban hành Nội quy cơ quan; Quy chế, quy trình làm việc; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (<i>Mỗi nội quy,</i>	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung, điều chỉnh để ban hành Nội quy, Quy chế (<i>đảm bảo theo đúng quy định tại Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ</i>

	<i>quy chế được ban hành đảm bảo nội dung theo yêu cầu đạt: 0,5 điểm; không ban hành: 0 điểm).</i>		<i>giai đoạn 2022 - 2025 và các quy định hiện hành).</i> TLKC: Các Nội quy, Quy chế theo yêu cầu.
3.3	Công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị (<i>Thực hiện đúng theo quy định của Đề án: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các nội dung về công khai, minh bạch như: (<i>Công tác chỉ đạo, điều hành; Việc bố trí, quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công; Công tác tổ chức cán bộ...</i>) TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra; (4) Cung cấp các đường link tới nội dung công khai trên Cổng thông tin điện tử (<i>nếu có</i>).
3.4	Thực hiện quy định về trang phục và thẻ cán bộ, công chức, viên chức (<i>Thực hiện đúng theo quy định của Đề án: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các quy định về trang phục và thẻ cán bộ, công chức, viên chức. TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra.
3.5	Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ (<i>có triển khai: 01 điểm; thực hiện có hiệu quả: 01 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ. TLKC: (1) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; (2) Các kết luận (biên bản) thanh tra, kiểm tra; (3) Báo cáo khắc phục các kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra; (4) Báo cáo kết quả năm.
IV	ĐIỂM CỘNG	8	
4.1	Thu hút các dự án đầu tư trong năm: - Đối với các huyện, thành, thị có Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp: Tổng các dự án đầu tư đạt trên 500 tỷ/năm đạt: 01 điểm; từ 300 tỷ đến dưới 500 tỷ đạt: 0,75 điểm; dưới 300 tỷ đạt: 0.5 điểm; - Đối với các huyện không có Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp: Tổng các dự án đầu tư đạt trên 300 tỷ/năm đạt: 01 điểm; từ 100 tỷ đến dưới 300 tỷ đạt: 0,75 điểm; dưới 100 tỷ đạt: 0.5 điểm.	1	Yêu cầu: Đánh giá sự năng động của cơ quan, đơn vị trong thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài đầu tư cho tất cả các lĩnh vực trên địa bàn cấp huyện (<i>không tính nguồn đầu tư từ ngân sách tỉnh</i>). TLKC: Các Quyết định hoặc dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2	Mức độ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn: Đánh giá tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm đánh giá so với năm trước liền kề: Nếu tăng từ 10% trở lên, đạt: 01 điểm, dưới 10% đạt 0.5 điểm.	1	<p>Yêu cầu: <i>(Tổng số doanh nghiệp thành lập mới trong năm đánh giá)</i> <i>Tính tỷ lệ % =</i> <i>(Tổng số doanh nghiệp thành lập mới của năm trước liền kề)</i> $\times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu kiểm chứng có liên quan; kết quả theo dõi đánh giá của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
4.3	Cơ quan có thành tích xuất sắc được khen thưởng: Đạt Cờ của Chính phủ: 01 điểm; đạt Cờ của tỉnh, của bộ ngành 0.5 điểm; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, bằng khen của bộ, ngành 0,25 điểm.	1	<p>Yêu cầu: Điểm chỉ được tính cho thành tích cao nhất được khen thưởng; các thành tích được khen thưởng tính của năm trước liền kề <i>(Ví dụ: Thành tích được cấp có thẩm quyền Quyết định khen thưởng trong năm 2023 sẽ được tính điểm đánh giá năm 2024).</i> TLKC: Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.</p>
4.4	Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát triển năng lực cá nhân, dám nghĩ, dám làm <i>(có cơ chế khuyến khích, tạo động lực: 0.5 điểm; thực hiện có hiệu quả 0.5 điểm).</i>	1	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị có Văn bản quy định về chế độ khuyến khích, tin tưởng, tôn trọng, ghi nhận, động viên, tạo động lực, nguồn lực, điều kiện và môi trường để cán bộ phát huy tính năng động, sáng tạo. Thông qua các hình thức như: Qua thưởng; thông qua đánh giá công việc <i>(làm căn cứ để đánh giá trước khi quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển theo hướng ưu tiên bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức...)</i>; thông qua môi trường làm việc... TLKC: (1) Văn bản quy định về cơ chế khuyến khích, tạo động lực; (2) Báo cáo giải trình.</p>
4.5	Có sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc <i>(mỗi sáng kiến được 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm).</i>	2	<p>Yêu cầu: Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phải được cơ quan có thẩm quyền Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc. TLKC: Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.</p>
4.6	Phân loại phong trào bảo vệ An ninh, Tổ quốc <i>(Hoàn thành xuất sắc đạt: 01 điểm; hoàn thành tốt đạt: 0,5 điểm)</i>	1	<p>Yêu cầu: Căn cứ vào Quyết định phân loại phong trào toàn dân bảo vệ An ninh, Tổ quốc của cơ quan có thẩm quyền. TLKC: Kết quả theo dõi, đánh giá của Công an tỉnh.</p>

4.7	Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (<i>Chấp hành nghiêm: 01 điểm; Chấp hành chưa nghiêm: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Sở Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá tiêu chí này.
V	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THÔNG QUA ĐIỀU TRA KHẢO SÁT	14	(Thông qua điều tra xã hội học, lấy phiếu khảo sát đối với cá nhân, tổ chức)
5.1	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.2	Chất lượng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.3	Mức độ về tham mưu với cấp Ủy hoặc cơ quan cấp trên trong tổ chức thực hiện các lĩnh vực phụ trách	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.4	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.5	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.6	Thực hiện các nội dung về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.7	Mức độ hài lòng về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị	3	
5.7.1	Sự hài lòng về tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.2	Sự hài lòng về năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.3	Tình trạng cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8	Tác động đến giải quyết công việc theo thẩm quyền	3	
5.8.1	Sự thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát

5.8.2	Mức độ đầy đủ của thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.3	Sự hài lòng trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc có liên quan đến trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9	Đánh giá về Cổng/Trang Thông tin điện tử	2	
5.9.1	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
VI	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH	4	
VII	ĐIỂM TRỪ		
7.1	Để xảy ra vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Trừ 03 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.2	Để xảy ra vi phạm một trong những việc công chức, viên chức không được làm quy định tại các Điều 18, 19, 20 Mục 4 Luật Cán bộ, công chức và Điều 19 Luật Viên chức.	Tối đa trừ 02 điểm	Yêu cầu: Tính tỷ lệ % số công chức, viên chức vi phạm: (Số công chức, viên chức vi phạm) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\quad}{\quad} \times 100$ (Tổng số công chức, viên chức thuộc UBND cấp huyện) (1) Cơ quan, đơn vị có tỷ lệ công chức, viên chức vi phạm từ 5% trở lên, trừ: 02 điểm. (2) Cơ quan, đơn vị có tỷ lệ công chức, viên chức vi phạm dưới 5% trở lên, trừ: 01 điểm. TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng hoặc bằng chứng xác thực (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).

7.3	Đề cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Mỗi hành vi vi phạm trừ 02 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.4	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Mỗi văn bản trái pháp luật bị trừ 01 điểm	TLKC: Văn bản đình chỉ, hủy bỏ của cơ quan có thẩm quyền (<i>Sở Tư pháp phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.5	Có vụ việc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo lên cấp trên.	Tối đa trừ 02 điểm	Yêu cầu: (1) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải sửa đổi biện pháp, kết quả giải quyết thì trừ 01 điểm. (2) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải hủy bỏ kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện thì trừ 02 điểm. TLKC: Kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.6	Đề Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; chương trình, kế hoạch, đề án... đến hạn mà chưa hoàn thành.	Mỗi nội dung bị nhắc nhở, bị chậm trừ 02 điểm	TLKC: Văn bản phê bình, nhắc nhở (<i>Văn phòng UBND tỉnh thu thập và cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.7	Đề cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu làm cản trở cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.	Mỗi một ý kiến phản ánh bị trừ 01 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>) hoặc có bằng chứng xác thực khác.
	TỔNG ĐIỂM	100	

CHỈ SỐ 03
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 2033/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các yêu cầu và tài liệu kiểm chứng
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO CHỨC NĂNG	36.5	
1.1	Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực <i>(Có xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực 01 điểm; Kết quả thực hiện tối đa 02 điểm. (Số nhiệm vụ đã hoàn thành) (Điểm được tính theo CT: X 2) (Tổng số nhiệm vụ trong quy hoạch, kế hoạch)</i>	3	Yêu cầu: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt. TLKC: (1) Quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được phê duyệt; (2) Văn bản triển khai hoặc báo cáo kết quả thực hiện.
1.2	Thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm	12	
1.2.1	Kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án... Được cấp có thẩm quyền giao trong năm <i>(Mỗi chương trình, đề án, dự án... hoàn thành được tính 02 điểm, tối đa không quá 06 điểm).</i>	6	Yêu cầu: (1) Các báo cáo cần đảm bảo đầy đủ nội dung như: Đánh giá kết quả thực hiện, có so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch; đánh giá ưu điểm, nhược điểm, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân. Rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong thời gian tới (2) Đối với các chương trình, kế hoạch, đề án...theo giai đoạn sẽ được đánh giá vào năm cuối của giai đoạn. TLKC: (1) Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án... được phê duyệt; (2) Chương trình, kế hoạch, đề án... thực hiện trong nhiều năm thì điểm đánh giá vào năm cuối.

1.2.2	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.	6	<p>Yêu cầu: Căn cứ kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Điểm số được tính theo công thức:</p> $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn}) \times 6}{(\text{Tổng số nhiệm vụ được giao})}$ <p>TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.</p>
1.3	<p>Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ đột xuất có kế hoạch hoặc có văn bản triển khai; có báo cáo kết quả: 1,5 điểm. - Không có nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ nhưng không hoàn thành hoặc hoàn thành chưa đạt chất lượng: 0 điểm. 	1.5	<p>Yêu cầu: Nhiệm vụ đột xuất là nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý (<i>không có trong kế hoạch công tác năm</i>).</p> <p>TLKC: Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.</p>
1.4	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm	6	<p>Yêu cầu chung:</p> <p>(1) Hằng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định một nhiệm vụ quan trọng nhất để xây dựng văn bản (<i>Chương trình, Kế hoạch, Đề án...</i>) thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm.</p> <p>(2) Trường hợp cơ quan, đơn vị không xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong năm: 0 điểm.</p>

1.4.1	Tham mưu ban hành văn bản (<i>Chương trình, Kế hoạch, Đề án...</i>) để triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: <i>Văn bản đầy đủ nội dung: 02 điểm; Văn bản không đầy đủ nội dung: 0 điểm.</i>	2	<p>Yêu cầu:</p> <p>(1) Nhiệm vụ cần rõ ràng, cụ thể, không dàn trải; có tính khả thi; giải quyết được tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn,... thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; có thể đánh giá được kết quả thực hiện (<i>không bao gồm các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên và không trùng lặp với nội dung của tiêu chí 1.1</i>).</p> <p>(2) Đảm bảo đầy đủ nội dung như: Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp.</p> <p>TLKC: (1) Văn bản triển khai tổ chức, triển khai thực hiện. (2) Các tài liệu khác có liên quan...</p>
1.4.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: (<i>hoàn thành đúng thời hạn, đạt mục tiêu: 04 điểm; hoàn thành chậm so với thời gian quy định hoặc chưa đạt mục tiêu: 02 điểm; chưa hoàn thành: 0 điểm</i>).	4	<p>Yêu cầu: Đánh giá quá trình thực hiện từ việc triển khai đến khi kết thúc nhiệm vụ; có so sánh mức độ hoàn thành với các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện.</p>
1.5	Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	11	

1.5.1	<p>Xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ năm phù hợp với nhiệm vụ được giao của đơn vị (Chương trình, kế hoạch đầy đủ nhiệm vụ theo chức năng: 02 điểm; Có chỉ tiêu, số lượng từng nhiệm vụ phải hoàn thành: 01 điểm; có thời gian hoàn thành từng nội dung 01 điểm; có phân công cụ thể từng đơn vị hoặc từng cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện: 01 điểm; Không có chương trình, kế hoạch: 0 điểm).</p>	5	<p>Yêu cầu: (1) Chương trình, kế hoạch công tác năm do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ban hành (trước ngày 28/02 hằng năm) nhằm tổ chức, triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn (2) Đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ (Theo Quyết định của UBND tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn); xác định rõ nội dung công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức, cá nhân phối hợp. TLKC: Chương trình, kế hoạch công tác năm được ban hành.</p>
1.5.2	<p>Kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch</p>	6	<p>Yêu cầu: (1) Cơ quan, đơn vị không ban hành được chương trình, kế hoạch công tác năm hoặc không có báo cáo tổng kết năm: 0 điểm; (2) Điểm số được tính theo công thức: (Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn) Điểm đạt được = $\frac{\quad}{X6}$ (Tổng số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch) TLKC: Chương trình, kế hoạch công tác năm; Báo cáo tổng kết năm.</p>

1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được phân công phối hợp (Một chương trình phối hợp 01 điểm; tối đa không quá 02 điểm).	2	Yêu cầu: (1) Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định và yêu cầu công tác của ngành, lĩnh vực, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp (trong các chương trình, kế hoạch, đề án); (2) Cơ quan, đơn vị tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án...liên ngành để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu; (3) Các nội dung phối hợp phải cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và phải có báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ theo phân công. TLKC: Chương trình, kế hoạch, đề án...(có nội dung phối hợp); Báo cáo kết quả thực hiện.
1.7	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ (Ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ: 0,5 điểm; Chấp hành Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh cộng thêm: 0,5 điểm).	1	Yêu cầu: (1) Hằng năm, cơ quan, đơn vị xây dựng ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ; (2) Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh (nếu có). TLKC: (1) Báo cáo kết quả thực hiện về công tác Văn thư - Lưu trữ theo thẩm quyền; (2) Kết quả theo dõi tổng hợp kết quả của Sở Nội vụ.
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	30.5	
2.1	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật	4	

2.1.1	Việc ban hành Kế hoạch, Báo cáo phổ biến giáo dục pháp luật (<i>Ban hành Kế hoạch đúng thời gian: 01 điểm; Ban hành Báo cáo đúng thời gian: 01 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Kế hoạch, Báo cáo PBGDPL phải được ban hành đúng thời gian theo quy định. TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.
2.1.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý (<i>Hoàn thành 100% kế hoạch đạt: 02 điểm; Đạt từ 85% đến dưới 100%: 01 điểm; đạt dưới 85%: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: (1) Kế hoạch, Báo cáo PBGDPL phải được xác định đầy đủ các nhiệm vụ; xác định kết quả đầu ra cụ thể; phân công rõ trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện; xác định rõ thời gian phải hoàn thành. (Số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành) (2) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{x}{(Tổng\ số\ nhiệm\ vụ,\ sản\ phẩm\ trong\ kế\ hoạch)} \times 100\%$ TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của đơn vị.
2.2	Cải cách TTHC	1	
	Thành lập, tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (<i>Bộ phận một cửa</i>) để giải quyết các công việc cho tổ chức, cá nhân (<i>Có thành lập và tổ chức thực hiện: 01 điểm; Không thành lập: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Đơn vị thành lập, tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (<i>Bộ phận một cửa</i>) để giải quyết các công việc cho tổ chức, cá nhân theo khoản 5, điều 2 Nghị định 61/2018/NĐ-CP Ngày 23/4/2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. TLKC: (1) Các văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện.
2.3	Cải cách tổ chức bộ máy	6	

2.3.1	Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy (<i>Thực hiện đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 02 điểm; Thực hiện chưa đúng theo quy định của Trung ương và của tỉnh: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các văn bản của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh. TLKC: Các Văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; Báo cáo kết quả thực hiện.
2.3.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (<i>Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định mới tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh. TLKC: Báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại đơn vị; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
2.3.3	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (<i>Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị có mặt thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số người làm việc được giao đầu năm đánh giá. TLKC: Quyết định giao số lượng người làm việc của đơn vị; Báo cáo kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; các báo cáo thống kê liên quan; hoặc tài liệu khác có liên quan.
2.4	Cải cách chế độ công vụ	11	

2.4.1	Thực hiện cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (<i>Thực hiện đúng: 01 điểm; thực hiện không đúng: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: (1) Danh mục vị trí việc làm; Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (2) Bố trí viên chức đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.</p> <p>TLKC: (1) Báo cáo của cơ quan, đơn vị; các văn bản phê duyệt danh mục vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập. (2) Gửi đại diện 5 Bản mô tả công việc và 5 Khung năng lực theo vị trí việc làm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.</p>
2.4.2	Bổ nhiệm mới vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc đơn vị (<i>Thực hiện bổ nhiệm đúng quy định: 02 điểm; thực hiện bổ nhiệm chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	<p>Yêu cầu: (1) Việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc ĐVSNCL phải bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện và tuân thủ đúng quy trình theo các quy định của Trung ương, của tỉnh. (2) Thống kê danh sách lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong năm đánh giá (<i>Trong năm không thực hiện bổ nhiệm mới thì đánh giá 02 điểm</i>).</p> <p>TLKC: Hồ sơ bổ nhiệm; Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm; Kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p>
2.4.3	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức (<i>Thực hiện đúng quy định: 02 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	<p>Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL phải tuân thủ đúng quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành (<i>Trong năm không tuyển dụng thì đánh giá 02 điểm</i>).</p> <p>TLKC: Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...); Báo cáo kết quả tuyển dụng.</p>

2.4.3	Thực hiện đúng quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức (<i>Thực hiện đúng quy định được 02 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức. TLKC: (1) Báo cáo kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị; hoặc các tài liệu khác liên quan; (2) Kết quả theo dõi, tổng hợp của Sở Nội vụ.
2.4.4	Kết quả xếp loại viên chức (<i>100% viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 02 điểm; Từ 90% - đến dưới 100%: 01 điểm; Dưới 90%: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: $\text{Tính tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ})}{(\text{Tổng số viên chức của đơn vị})} \times 100$ TLKC: Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại viên chức.
2.4.5	Thực hiện, rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC (<i>Thực hiện đúng quy định 02 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Các đơn vị thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ CB,CC,VC. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý hồ sơ CB,CC,VC; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.
2.5	Cải cách tài chính công	6	
2.5.1	Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị (<i>Có Quy chế chi tiêu nội bộ đạt: 01 điểm; Có Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đạt: 01 điểm; Chưa có Quy chế: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo các quy định hiện hành. TLKC: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Kết quả theo dõi của Sở Tài chính; Tài liệu kiểm chứng khác (<i>nếu có</i>).

2.5.2	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được để bổ sung thu nhập cho viên chức và người lao động (<i>thu nhập tăng thêm đạt từ 30% trở lên: 01 điểm; đạt từ 10% đến dưới 30%: 0,5 điểm; đạt dưới 10%: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: (1) Giải trình rõ bằng văn bản về kết quả thu nhập tăng thêm của viên chức trong năm đánh giá; (<i>Tổng thu nhập tăng thêm của năm</i>)</p> <p>(2) $Tính\ tỷ\ lệ\ \% = \frac{\text{(Tổng quỹ tiền lương của năm đánh giá)}}{\text{X}} \times 100$</p> <p>TLKC: (1) Quy chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt; (2) Tài liệu giải trình khác.</p>
2.5.3	Thực hiện công khai tài chính (<i>Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Thực hiện công khai tài chính đúng quy định hiện hành.</p> <p>TLKC: Báo cáo của đơn vị; hoặc các tài liệu kiểm chứng khác có liên quan.</p>
2.5.4	Chấp hành pháp luật về thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách; chế độ tài chính, kế toán (<i>Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Thực hiện đầy đủ và đúng quy định hiện hành về thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách; chế độ tài chính, kế toán của đơn vị.</p> <p>TLKC: (1) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách; (2) Tài liệu giải trình khác và kết quả theo dõi của Sở Tài chính.</p>
2.5.5	Báo cáo tình hình Quản lý, sử dụng tài sản công (<i>Thực hiện đúng quy định 01 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 130 và Điều 131 Nghị định 151/2017/NĐ-CP.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả quản lý quản lý tài sản công; tài liệu khác có liên quan; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.</p>
2.6	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (XD CQĐT, CQS)	2.5	

2.6.1	Văn bản đi, đến được gửi nhận điện tử tích hợp ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy (<i>trừ văn bản mật theo quy định</i>): Có thực hiện: 0,5 điểm, không thực hiện: 0 điểm.	0.5	Yêu cầu: Đơn vị ứng dụng Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành; thực hiện số hóa, ký số, luân chuyển, xử lý văn bản đi/đến trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành. TLKC: (1) Các văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Kết quả theo dõi của Sở Thông tin và Truyền thông.
2.6.2	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (<i>trừ văn bản, hồ sơ mật</i>) nếu: Đạt từ 80%-100% số văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng thì điểm đánh giá: 01 điểm; Đạt từ 50% đến dưới 80% thì điểm đánh giá: 0,5 điểm; Đạt dưới 50% thì đánh giá: 0 điểm.	1	Yêu cầu: Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan, đơn vị trong năm. TLKC: (1) Các văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Kết quả theo dõi của Sở Thông tin và Truyền thông.
2.6.3	Trang thông tin điện tử thường xuyên cập nhật, đăng tải tin, bài thì điểm đánh giá: 0,5 điểm; có chuyên mục CCHC hoặc chuyên mục về chuyển đổi số thì CỘNG THÊM: 0,5 điểm.	1	TLKC: (1) Các văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Cung cấp đường link tới Trang TTĐT; (4) Kết quả theo dõi của Sở Thông tin và Truyền thông.
III	THỰC HIỆN KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	7	
3.1	Thực hiện Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh. (<i>Có ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện đạt: 0,5 điểm; Báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ nội dung, đúng quy định đạt: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản để tổ chức, triển khai, thực hiện Đề án và có Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. TLKC: (1) Các Văn bản tổ chức triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án.

3.2	Ban hành Nội quy cơ quan; Quy chế, quy trình làm việc; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (Mỗi nội quy, quy chế được ban hành đảm bảo nội dung theo yêu cầu đạt: 0,5 điểm; không ban hành: 0 điểm).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung, điều chỉnh để ban hành Nội quy, Quy chế (đảm bảo theo đúng quy định tại Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025 và các quy định hiện hành). TLKC: Các Nội quy, Quy chế theo yêu cầu.
3.3	Công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị (Thực hiện đúng theo quy định của Đề án: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các nội dung về công khai, minh bạch như: (Công tác chỉ đạo, điều hành; Việc bố trí, quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công; Công tác tổ chức cán bộ...) TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra; (4) Cung cấp các đường link tới nội dung công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có).
3.4	Thực hiện quy định về trang phục và thẻ viên chức (Thực hiện đúng theo quy định của Đề án: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm).	1	Yêu cầu: Đơn vị thực hiện đúng các quy định về trang phục và thẻ viên chức. TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra.
3.5	Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ (có triển khai: 01 điểm; thực hiện có hiệu quả: 01 điểm).	2	Yêu cầu: Đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ. TLKC: (1) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; (2) Các kết luận (biên bản) thanh tra, kiểm tra; (3) Báo cáo khắc phục các kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra; (4) Báo cáo kết quả năm.
IV	ĐIỂM CỘNG	8	

4.1	Thu hút nguồn lực cho tỉnh từ 2 tỷ trở lên/năm đạt: 01 điểm; từ 1 tỷ đến dưới 2 tỷ, đạt: 0,75 điểm; dưới 1 tỷ, đạt: 0,5 điểm (Nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn huy động từ nhà đầu tư; các nguồn hợp pháp khác).	1	<p>Yêu cầu: Đánh giá sự năng động của cơ quan, đơn vị trong thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài đầu tư cho tất cả các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh (<i>không tính nguồn đầu tư từ ngân sách tỉnh</i>).</p> <p>TLKC: Các Quyết định hoặc dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>
4.2	Đơn vị có thành tích xuất sắc được khen thưởng: Đạt Cờ của Chính phủ: 02 điểm; đạt Cờ của tỉnh, của bộ ngành 01 điểm; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, bằng khen của bộ, ngành 0,5 điểm.	2	<p>Yêu cầu: Điểm chỉ được tính cho thành tích cao nhất được khen thưởng; các thành tích được khen thưởng tính của năm trước liền kề (<i>Ví dụ: Thành tích được cấp có thẩm quyền Quyết định khen thưởng trong năm 2023 sẽ được tính điểm đánh giá năm 2024</i>).</p> <p>TLKC: Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.</p>
4.3	Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát triển năng lực cá nhân, dám nghĩ, dám làm (<i>có cơ chế khuyến khích, tạo động lực: 0.5 điểm; thực hiện có hiệu quả 0.5 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị có Văn bản quy định về chế độ khuyến khích, tin tưởng, tôn trọng, ghi nhận, động viên, tạo động lực, nguồn lực, điều kiện và môi trường để cán bộ phát huy tính năng động, sáng tạo. Thông qua các hình thức như: Qua thưởng; thông qua đánh giá công việc (<i>làm căn cứ để đánh giá trước khi quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển theo hướng ưu tiên bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức...</i>); thông qua môi trường làm việc...</p> <p>TLKC: (1) Văn bản quy định về cơ chế khuyến khích, tạo động lực; (2) Báo cáo giải trình.</p>

4.4	Có sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc (<i>mỗi sáng kiến được 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật và phải được cơ quan có thẩm quyền Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc. TLKC: Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.
4.5	Phân loại phong trào bảo vệ An ninh, Tổ quốc (<i>Hoàn thành xuất sắc đạt: 01 điểm; hoàn thành tốt đạt: 0,5 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Căn cứ vào Quyết định phân loại phong trào toàn dân bảo vệ An ninh, Tổ quốc của cơ quan có thẩm quyền. TLKC: Kết quả theo dõi, đánh giá của Công an tỉnh.
4.6	Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (<i>Chấp hành nghiêm: 01 điểm; Chấp hành chưa nghiêm: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Sở Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá tiêu chí này.
V	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THÔNG QUA ĐIỀU TRA KHẢO SÁT	14	(Thông qua điều tra xã hội học, lấy phiếu khảo sát đối với cá nhân, tổ chức)
5.1	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.2	Chất lượng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.3	Mức độ về tham mưu với cấp Ủy hoặc cơ quan cấp trên trong tổ chức thực hiện các lĩnh vực phụ trách	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.4	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.5	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.6	Thực hiện các nội dung về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.7	Mức độ hài lòng về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị	3	

5.7.1	Sự hài lòng về tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.2	Sự hài lòng về năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.3	Tình trạng cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8	Tác động đến giải quyết công việc theo thẩm quyền	3	
5.8.1	Sự thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.2	Mức độ đầy đủ của thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.3	Sự hài lòng trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc có liên quan đến trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9	Đánh giá về Cổng/Trang Thông tin điện tử	2	
5.9.1	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
VI	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH	4	

VII	ĐIỂM TRỪ		
7.1	Để xảy ra vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Trừ 03 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.2	Để xảy ra vi phạm một trong những việc viên chức không được làm quy định Điều 19 Luật Viên chức..	Tối đa trừ 02 điểm	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ % viên chức vi phạm: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{\text{(Số viên chức vi phạm)}}{\text{(Tổng số viên chức của đơn vị)}} \times 100$</p> <p>(1) Đơn vị có tỷ lệ viên chức vi phạm từ 5% trở lên, trừ: 02 điểm. (2) Đơn vị có tỷ lệ viên chức vi phạm dưới 5% trở lên, trừ: 01 điểm.</p> <p>TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng hoặc bằng chứng xác thực (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>
7.3	Để viên chức có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Mỗi hành vi vi phạm trừ 02 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.4	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Mỗi văn bản trái pháp luật bị trừ 01 điểm	TLKC: Văn bản đình chỉ, hủy bỏ của cơ quan có thẩm quyền (<i>Sở Tư pháp phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).

7.5	Có vụ việc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo lên cấp trên.	Tối đa trừ 02 điểm	<p>Yêu cầu:</p> <p>(1) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải sửa đổi biện pháp, kết quả giải quyết thì trừ 01 điểm.</p> <p>(2) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải hủy bỏ kết quả giải quyết của cơ quan, đơn vị thì trừ 02 điểm.</p> <p>TLKC: Kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>
7.6	Đề Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; chương trình, kế hoạch, đề án... đến hạn mà chưa hoàn thành.	Mỗi nội dung bị nhắc nhở, bị chậm trừ 02 điểm	<p>TLKC: Văn bản phê bình, nhắc nhở (<i>Văn phòng UBND tỉnh thu thập và cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>
7.7	Đề viên chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu làm cản trở cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.	Mỗi một ý kiến phản ánh bị trừ 01 điểm	<p>TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>) hoặc có bằng chứng xác thực khác.</p>
TỔNG ĐIỂM		100	

CHỈ SỐ 04**ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC TỔ CHỨC THEO
NGÀNH DỤC ĐÓNG TẠI ĐỊA BÀN TỈNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số : 2033/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	Tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Các yêu cầu và tài liệu kiểm chứng
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO CHỨC NĂNG	36.5	
1.1	Tham mưu với UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan ngành dọc cấp trên ban hành văn bản thực hiện nhiệm vụ QLNN trên địa bàn tỉnh	17	
1.1.1	Tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan ngành dọc cấp trên ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án... theo chức năng để thực hiện nhiệm vụ QLNN trên địa bàn tỉnh <i>(cứ 01 chương trình, kế hoạch, đề án... tham mưu được phê duyệt: 02 điểm; tối đa không quá 06 điểm).</i>	6	<p>Yêu cầu: (1) Các chương trình, kế hoạch, đề án... <i>(theo giai đoạn hoặc năm)</i> được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm đánh giá. Mỗi lĩnh vực chỉ tính 01 chương trình, kế hoạch tổng thể hoặc 01 đề án tổng thể.</p> <p>(2) Các chương trình, kế hoạch, đề án... phải đảm bảo đầy đủ nội dung như: Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp.</p> <p>(3) Trong trường hợp các chương trình, kế hoạch, đề án... theo giai đoạn đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc cơ quan ngành dọc cấp trên) phê duyệt; trong đó giao cơ quan, đơn vị hằng năm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện thì được tính điểm theo yêu cầu của tiêu chí này.</p> <p>TLKC: Các chương trình, Kế hoạch, đề án... đã được cơ quan có</p>

			thẩm quyền phê duyệt.
1.1.2	Kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án (Mỗi chương trình, kế hoạch... được phê duyệt ở tiêu chí thành phần 1.1.1 nói trên, hoàn thành đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng, có báo cáo kết quả được cấp có thẩm quyền ban hành, đạt: 02 điểm, tối đa không quá 06 điểm).	6	<p>Yêu cầu: (1) Các báo cáo cần đảm bảo đầy đủ nội dung như: Đánh giá kết quả thực hiện có so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch; đánh giá ưu điểm, nhược điểm, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân. Rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong thời gian tới. (2) Đối với các chương trình, kế hoạch, đề án...theo giai đoạn sẽ được đánh giá vào năm cuối của giai đoạn.</p> <p>TLKC: (1) Các chương trình, kế hoạch, đề án... đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (2) Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án... được cấp có thẩm quyền ban hành.</p>
1.1.3	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	5	<p>Yêu cầu: Căn cứ kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Điểm số được tính theo công thức:</p> $\text{Điểm đạt được} = \frac{(\text{Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ được giao})} \times 5$ <p>TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.</p>

1.2	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm	6	<p>Yêu cầu:</p> <p>(1) Hằng năm các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý trên địa bàn tỉnh, xác định một nhiệm vụ quan trọng nhất để xây dựng văn bản (<i>Chương trình, Kế hoạch, Đề án...</i>) thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm để triển khai thực hiện.</p> <p>(2) Trường hợp cơ quan, đơn vị không xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong năm: 0 điểm.</p>
1.2.1	<p>Tham mưu ban hành văn bản (<i>Chương trình, Kế hoạch, Đề án...</i>) để triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm: <i>Văn bản đầy đủ nội dung: 02 điểm; Văn bản không đầy đủ nội dung: 0 điểm.</i></p>	2	<p>Yêu cầu: (1) Nhiệm vụ cần rõ ràng, cụ thể, không dàn trải; có tính khả thi; giải quyết được tồn tại, vướng mắc, điểm nghẽn,... thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; có thể đánh giá được kết quả thực hiện (<i>không bao gồm các nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên và không trùng lặp với nội dung của tiêu chí 1.1.1</i>). (2) Đảm bảo đầy đủ nội dung như: Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; số lượng công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân phối hợp.</p> <p>TLKC: (1) Văn bản tổ chức triển khai thực hiện. (2) Các tài liệu khác có liên quan...</p>
1.2.2	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm (<i>hoàn thành đúng thời hạn, đạt mục tiêu theo kế hoạch: 04 điểm; hoàn thành chậm so với thời gian quy định: 02 điểm; chưa hoàn thành: 0 điểm</i>).</p>	4	<p>Yêu cầu: Đánh giá quá trình thực hiện từ việc triển khai đến khi kết thúc nhiệm vụ; có so sánh mức độ hoàn thành với các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện.</p>

1.3	<p>Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ đột xuất có kế hoạch hoặc có văn bản triển khai; có báo cáo kết quả: 1.5 điểm. - Không có nhiệm vụ hoặc được giao nhiệm vụ nhưng không hoàn thành hoặc hoàn thành chưa đạt chất lượng: 0 điểm. 	1.5	<p>Yêu cầu: Nhiệm vụ đột xuất là nhiệm vụ phát sinh trong năm thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý (<i>không có trong kế hoạch công tác năm</i>).</p> <p>TLKC: Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.</p>
1.4	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng</p>	8	
1.4.1	<p>Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hằng năm (<i>Chương trình, kế hoạch xác định đầy đủ nhiệm vụ theo chức năng: 01 điểm; xây dựng đầy đủ nội dung theo yêu cầu: 01 điểm; không ban hành chương trình, kế hoạch: 0 điểm</i>).</p>	2	<p>Yêu cầu: (1) Chương trình, kế hoạch công tác năm do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ban hành nhằm tổ chức, triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; (2) Xác định rõ nội dung công việc phải hoàn thành, thời gian hoàn thành và có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức, cá nhân phối hợp.</p> <p>TLKC: Chương trình, kế hoạch công tác năm được ban hành.</p>
1.4.2	<p>Kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.</p>	6	<p>Yêu cầu: (1) Cơ quan, đơn vị không ban hành được chương trình, kế hoạch công tác năm hoặc không có báo cáo tổng kết năm: 0 điểm; (2) Điểm số được tính theo công thức:</p> $\text{Điểm đạt được} = \frac{\text{(Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn)}}{\text{(Tổng số nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch)}} \times 6$ <p>TLKC: Chương trình, kế hoạch công tác năm; Báo cáo tổng kết năm.</p>

1.5	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công phối hợp (Một chương trình phối hợp 01 điểm; tối đa không quá 03 điểm).	3	Yêu cầu: (1) Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định và yêu cầu công tác quản lý ngành, lĩnh vực, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc cơ quan ngành cấp trên) giao cho cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp (trong các chương trình, kế hoạch, đề án); (2) Cơ quan, đơn vị tham mưu, hoặc phối hợp xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án...liên ngành để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu quản lý; (3) Các nội dung phối hợp phải cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và phải có báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ theo phân công. TLKC: Chương trình, kế hoạch, đề án...(có nội dung phối hợp); Báo cáo kết quả thực hiện.
1.6	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ (Ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ: 0,5 điểm; Chấp hành Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh cộng thêm: 0,5 điểm).	1	Yêu cầu: (1) Hằng năm, cơ quan, đơn vị xây dựng ban hành Văn bản và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của tỉnh về công tác Văn thư - Lưu trữ; (2) Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Quyết định của UBND tỉnh về chỉ định đơn vị chỉnh lý và nộp lưu về lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử tỉnh (nếu có). TLKC: (1) Báo cáo kết quả thực hiện về công tác Văn thư - Lưu trữ theo thẩm quyền; (2) Kết quả theo dõi tổng hợp kết quả của Sở Nội vụ.
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	30.5	<i>Ghi chú:</i> Nếu đã được cơ quan ngành dọc cấp trên xếp hạng chỉ số CCHC của năm đánh giá thì lấy kết quả xếp hạng đó để quy đổi. Điểm quy đổi tính theo công thức: $\frac{[\text{Điểm đánh giá của cơ quan ngành dọc cấp trên}] \times 30,5}{\text{Điểm CCHC}} = \text{Thang điểm tối đa của Bộ chỉ số CCHC}$ TLKC: Quyết định công bố kết quả xếp hạng chỉ số CCHC của cơ quan có thẩm quyền.
2.1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC	2	

2.1.1	Việc ban hành kế hoạch CCHC năm (<i>Có ban hành Kế hoạch: 01 điểm; Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị có ban hành Kế hoạch CCHC để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC (<i>theo chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ và Kế hoạch CCHC của cơ quan ngành dọc cấp trên</i>). TLKC: Kế hoạch CCHC của năm đánh giá.
2.1.2	Thực hiện chế độ Báo cáo định kỳ về CCHC (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 01 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Các báo cáo CCHC phải đáp ứng đầy đủ nội dung và gửi đúng thời gian quy định của tỉnh, của cơ quan ngành dọc cấp trên. TLKC: Các báo cáo CCHC định kỳ trong năm đánh giá.
2.2	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật	3	
2.2.1	Phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý (<i>Hoàn thành 100% kế hoạch đạt: 01 điểm; Đạt từ 85% đến dưới 100%: 0,5 điểm; đạt dưới 85%: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành})}{(\text{Tổng số nhiệm vụ, sản phẩm trong kế hoạch})} \times 100\%$ TLKC: Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Báo cáo công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị.
2.2.2	Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 02 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Kế hoạch, báo cáo được ban hành đúng về thời gian và nội dung; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo thẩm quyền (<i>nếu có sai phạm</i>). TLKC: Kế hoạch; Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Các văn bản khác có liên quan.

2.3	Cải cách TTHC	8	<i>Ghi chú:</i> Nếu cơ quan, đơn vị không có TTHC thì điểm Cải cách TTHC được tính theo công thức như sau: <i>Điểm cải cách TTHC của cơ quan, đơn vị = [Tổng điểm đạt được của các TC (2.1+2.2+2.4+2.5+2.6+2.7)] X 8/22.5</i>
2.3.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC (<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định đạt 01 điểm; Thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng quy định 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Kế hoạch phải được ban hành đúng về nội dung và thời gian theo quy định của UBND tỉnh. TLKC: Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của cơ quan, đơn vị.
2.3.2	Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, được giải quyết thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TT PVHCC) của tỉnh hoặc qua Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả (<i>Bộ phận một cửa</i>). <i>[Số TTHC đưa ra TT PVHCC (bộ phận một cửa)]</i> <i>Điểm tính theo công thức:</i> $X = \frac{1}{\text{(Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết)}}$	1	Yêu cầu: (1) Thống kê số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, được giải quyết thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh hoặc qua Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả (<i>Bộ phận một cửa</i>); (2) Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị. TLKC: Quyết định đưa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ra thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận một cửa của cơ quan, đơn vị (<i>Đối với Công an tỉnh; Bộ chỉ huy QS tỉnh; BHXH tỉnh thực hiện theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của ngành; các cơ quan khác thực hiện theo quy định của ngành</i>).

2.3.3	Công khai TTHC (<i>Các TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định: 01 điểm; Không niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>)	1	<p>Yêu cầu: Thực hiện công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo các hình thức công khai bắt buộc được quy định tại khoản 6, Điều 1, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017.</p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả của cơ quan, đơn vị; kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p>
2.3.4	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (<i>Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá: 01 điểm; Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.</p> <p>TLKC: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; hoặc tài liệu khác có liên quan.</p>
2.3.5	Kết quả giải quyết TTHC (<i>100% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng hạn và trước hạn: 02 điểm; Từ 90% đến dưới 100% được tính theo công thức: [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 2,0]/100%; Dưới 90%: 0 điểm</i>).	2	<p>Yêu cầu: <i>(Số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn)</i> $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{\text{Tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong năm của cơ quan, đơn vị}}{\text{Số hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn}} \times 100\%$ </p> <p>TLKC: Báo cáo kết quả giải quyết TTHC; hoặc các tài liệu khác liên quan; kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</p>

2.3.6	Thực hiện gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân khi đề xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC (100% số hồ sơ quá hạn được thực hiện gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân: 02 điểm; Từ 70% - dưới 100%: 01 điểm; Dưới 70%: 0 điểm).	2	<p>Yêu cầu: Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân (Trường hợp trong năm đánh giá, không có hồ sơ quá hạn thì đánh giá là 02 điểm).</p> <p>(Số hồ sơ quá hạn được cơ quan gửi văn bản xin lỗi)</p> $\text{Tính tỷ lệ \%} = \frac{\text{Số hồ sơ quá hạn được cơ quan gửi văn bản xin lỗi}}{\text{Tổng số hồ sơ quá hạn giải quyết trong năm đánh giá}} \times 100$ <p>TLKC: Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC; các văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân; hoặc các tài liệu khác có liên quan.</p>
2.4	Cải cách tổ chức bộ máy	4	
2.4.1	Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy (Thực hiện đúng theo quy định của Trung ương và của cơ quan ngành dọc cấp trên: 02 điểm; Thực hiện chưa đúng theo quy định của Trung ương và của cơ quan ngành dọc cấp trên: 0 điểm).	2	<p>Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các văn bản của Trung ương và hướng dẫn của cơ quan ngành dọc cấp trên.</p> <p>TLKC: Các Văn bản liên quan đến việc thành lập, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; Báo cáo kết quả thực hiện.</p>
2.4.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và số lượng cấp phó của người đứng đầu Phòng, ban (hoặc tương đương) trực thuộc đơn vị (Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm).	1	<p>Yêu cầu: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn mới của Bộ, ngành Trung ương và của cơ quan ngành dọc cấp trên.</p> <p>TLKC: Báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại đơn vị; Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.</p>

2.4.3	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế (<i>Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	<p>Yêu cầu: Thống kê tổng số biên chế của cơ quan, đơn vị có mặt đến thời điểm quý IV của năm đánh giá và tổng số biên chế được giao đầu năm đánh giá.</p> <p>TLKC: Quyết định giao chỉ tiêu biên chế; Báo cáo thống kê kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; hoặc tài liệu khác có liên quan.</p>
2.5	Cải cách chế độ công vụ	4.5	
2.5.1	Kết quả xếp loại cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị (<i>100% công chức, viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 02 điểm; Từ 90% - đến dưới 100%: 01 điểm; Dưới 90%: 0 điểm</i>).	2	<p>Yêu cầu:</p> $\text{Tính tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số CB, CC, VC xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ})}{(\text{Tổng số CB, CC, VC của cơ quan, đơn vị})} \times 100$ <p>TLKC: Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức.</p>
2.5.2	Công tác kiểm tra cán bộ, công chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao (<i>Có thực hiện kiểm tra, đánh giá: 01 điểm; không thực hiện kiểm tra, đánh giá: 0 điểm</i>).	1	<p>TLKC: (1) Văn bản triển khai; (2) Báo cáo đánh giá công tác kiểm tra cán bộ, công chức, người lao động hoặc tài liệu giải trình khác.</p>
2.5.3	Ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức (<i>Có ứng dụng: 1.5 điểm, không ứng dụng: 0 điểm</i>).	1.5	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện quản lý cán bộ, công chức trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức (<i>theo Hệ thống phần mềm của tỉnh hoặc của ngành dọc cấp trên</i>).</p> <p>TLKC: (1) Các văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Cung cấp đường Link Hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức.</p>

2.6	Cải cách tài chính công	5	
2.6.1	Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị (<i>Có Quy chế chi tiêu nội bộ đạt: 01 điểm; Có Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đạt: 01 điểm; Chưa có Quy chế: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị xây dựng và hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo các quy định hiện hành. TLKC: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Kết quả theo dõi của Sở Tài chính; Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
2.6.2	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (<i>thu nhập tăng thêm đạt từ 30% trở lên: 01 điểm; đạt từ 10% đến dưới 30%: 0,5 điểm; đạt dưới 10%: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: (1) Giải trình rõ bằng văn bản về kết quả thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức trong năm đánh giá; $(Tổng thu nhập tăng thêm của năm) \times 100$ (2) $Tỷ lệ \% = \frac{\text{Thu nhập tăng thêm}}{\text{Tổng quỹ tiền lương của năm đánh giá}}$ TLKC: (1) Quy chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt; (2) Tài liệu giải trình khác.
2.6.3	Thực hiện công khai tài chính (<i>Thực hiện đúng quy định: 01 điểm; Thực hiện không đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị phải thực hiện công khai tài chính đúng quy định hiện hành. TLKC: Báo cáo của đơn vị; hoặc các tài liệu kiểm chứng khác có liên quan.
2.6.4	Báo cáo tình hình Quản lý, sử dụng tài sản công (<i>Thực hiện đúng quy định 01 điểm; thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 130 và Điều 131 Nghị định 151/2017/NĐ-CP. TLKC: Báo cáo kết quả quản lý tài sản công; tài liệu khác có liên quan; kiểm tra thực tế trên phần mềm của Hội đồng thẩm định.

2.7	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (XD CQĐT, CQS)	4	
	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (được quy đổi từ điểm xếp hạng Chuyển đổi số theo Quyết định công bố của cơ quan có thẩm quyền).	4	<p>Yêu cầu: (Điểm xếp hạng chuyển đổi số X 4)</p> <p>Điểm XD CQĐT, CQS = (Tổng điểm xếp hạng chuyển đổi số)</p> <p>TLKC: Kết quả xếp hạng Chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp tài liệu kiểm chứng).</p>
III	THỰC HIỆN KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	7	<p><i>Ghi chú:</i> Thực hiện theo các văn bản của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại cơ quan, đơn vị hoặc thực theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025.</p>
3.1	Tổ chức, triển khai, thực hiện cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ (Có ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện đạt: 0,5 điểm; Báo cáo kết quả thực hiện đầy đủ nội dung, đúng quy định đạt: 0,5 điểm; Thực hiện chưa đúng quy định: 0 điểm)	1	<p>Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành Văn bản để tổ chức, triển khai, thực hiện và có Báo cáo kết quả thực hiện.</p> <p>TLKC: (1) Các Văn bản tổ chức triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện.</p>

3.2	Ban hành Nội quy cơ quan; Quy chế, quy trình làm việc; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (<i>Mỗi nội quy, quy chế được ban hành đảm bảo nội dung theo yêu cầu đạt: 0,5 điểm; không ban hành: 0 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung, điều chỉnh để ban hành Nội quy, Quy chế đảm bảo theo đúng quy định. TLKC: Các Nội quy, Quy chế theo yêu cầu.
3.3	Công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị (<i>Thực hiện đúng theo quy định: 01 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các nội dung về công khai, minh bạch như: (<i>Công tác chỉ đạo, điều hành; Việc bố trí, quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công; Công tác tổ chức cán bộ...</i>) TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra; (4) Cung cấp các đường link tới nội dung công khai trên Cổng thông tin điện tử (<i>nếu có</i>).
3.4	Thực hiện quy định về trang phục và thẻ cán bộ, công chức, viên chức (<i>Thực hiện đúng theo quy định: 1 điểm; thực hiện chưa đúng: 0 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các quy định về trang phục và thẻ cán bộ, công chức, viên chức. TLKC: (1) Văn bản triển khai thực hiện; (2) Báo cáo kết quả thực hiện; (3) Các kết luận thanh tra, kiểm tra.
3.5	Thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ (<i>Có triển khai: 1 điểm; thực hiện có hiệu quả: 1 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; văn hóa công vụ. TLKC: (1) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; (2) Các kết luận (biên bản) thanh tra, kiểm tra; (3) Báo cáo khắc phục các kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra; (4) Báo cáo kết quả năm.
IV	ĐIỂM CỘNG	8	

4.1	Cơ quan có thành tích xuất sắc được khen thưởng: Đạt Cờ của Chính phủ: 02 điểm; đạt Cờ của tỉnh, của bộ ngành 01 điểm; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, bằng khen của bộ, ngành 0,5 điểm.	2	Yêu cầu: Điểm chỉ được tính cho thành tích cao nhất được khen thưởng; các thành tích được khen thưởng tính của năm trước liền kề (<i>Ví dụ: Thành tích được cấp có thẩm quyền Quyết định khen thưởng trong năm 2023 sẽ được tính điểm đánh giá năm 2024</i>). TLKC: Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.
4.2	Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phát triển năng lực cá nhân, dám nghĩ, dám làm (<i>có cơ chế khuyến khích, tạo động lực: 0.5 điểm; thực hiện có hiệu quả 1.5 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Cơ quan, đơn vị có Văn bản quy định về chế độ khuyến khích, tin tưởng, tôn trọng, ghi nhận, động viên, tạo động lực, nguồn lực, điều kiện và môi trường để cán bộ phát huy tính năng động, sáng tạo. Thông qua các hình thức như: Qua thưởng; thông qua đánh giá công việc (<i>làm căn cứ để đánh giá trước khi quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển theo hướng ưu tiên bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức...</i>); thông qua môi trường làm việc... TLKC: (1) Văn bản quy định về cơ chế khuyến khích, tạo động lực; (2) Báo cáo giải trình.
4.3	Có sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc (<i>mỗi sáng kiến được 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm</i>).	2	Yêu cầu: Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật và phải được cơ quan có thẩm quyền Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn toàn tỉnh hoặc toàn quốc. TLKC: Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.4	Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong tỉnh và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh phát triển (<i>Có triển khai thực hiện: 0,5 điểm; Đạt hiệu quả trong triển khai thực hiện: 0,5 điểm</i>).	1	Yêu cầu: Hằng năm cơ quan, đơn vị phải có những cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, các địa phương và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh phát triển. TLKC: Các văn bản chỉ đạo, triển khai, thực hiện; Báo cáo kết quả.
4.5	Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (<i>Chấp hành nghiêm: 01 điểm; Chấp hành chưa nghiêm: 0 điểm</i>)	1	Yêu cầu: Sở Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá tiêu chí này.
V	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THÔNG QUA ĐIỀU TRA KHẢO SÁT	14	(Thông qua điều tra xã hội học, lấy phiếu khảo sát đối với cá nhân, tổ chức)
5.1	Chất lượng chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.2	Chất lượng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.3	Mức độ về tham mưu với cấp Ủy hoặc cơ quan cấp trên trong tổ chức thực hiện các lĩnh vực phụ trách	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.4	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.5	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.6	Thực hiện các nội dung về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị	1	Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh thông qua phiếu khảo sát
5.7	Mức độ hài lòng về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị	3	
5.7.1	Sự hài lòng về tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát

5.7.2	Sự hài lòng về năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.7.3	Tình trạng cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8	Tác động đến giải quyết công việc theo thẩm quyền	3	
5.8.1	Sự thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.2	Mức độ đầy đủ của thông tin liên quan đến các hoạt động của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.8.3	Sự hài lòng trong việc tiếp nhận và giải quyết công việc có liên quan đến trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9	Đánh giá về Cổng/Trang Thông tin điện tử	2	
5.9.1	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
5.9.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1	Đánh giá của cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước thông qua phiếu khảo sát
VI	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH	4	
VII	ĐIỂM TRỪ		
7.1	Để xảy ra vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Trừ 3 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).

7.2	Để xảy ra vi phạm một trong những việc công chức, viên chức không được làm quy định tại các Điều 18, 19, 20 Mục 4 của Luật cán bộ, công chức; Điều 19 của Luật viên chức. Đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân quy định tại Điều 32 Luật Công an nhân dân; Đối với sĩ quan quân đội quy định tại Điều 28 Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam.	Mỗi hành vi vi phạm trừ 2 điểm	<p>Yêu cầu: Tính tỷ lệ % số công chức, viên chức vi phạm: $\text{Tỷ lệ \%} = \frac{(\text{Số công chức, viên chức vi phạm})}{(\text{Tổng số công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị})} \times 100$</p> <p>(1) Cơ quan, đơn vị có tỷ lệ công chức, viên chức vi phạm từ 5% trở lên, trừ: 02 điểm. (2) Cơ quan, đơn vị có tỷ lệ công chức, viên chức vi phạm dưới 5% trở lên, trừ: 01 điểm.</p> <p>TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng hoặc bằng chứng xác thực (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>
7.3	Để cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 Luật Phòng chống tham nhũng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Mỗi hành vi vi phạm trừ 2 điểm	<p>TLKC: Có kết luận của cơ quan chức năng (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>) hoặc có bằng chứng xác thực.</p>
7.4	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Mỗi văn bản trái pháp luật bị trừ 01 điểm	<p>TLKC: Văn bản đình chỉ, hủy bỏ của cơ quan có thẩm quyền (<i>Sở Tư pháp phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>
7.5	Có vụ việc khiếu nại, tố cáo đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng công dân vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo lên cấp trên.	Tối đa trừ 2 điểm	<p>Yêu cầu:</p> <p>(1) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải sửa đổi biện pháp, kết quả giải quyết thì trừ 01 điểm. (2) Mỗi vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên cấp trên giải quyết mà phải hủy bỏ kết quả giải quyết của cơ quan, đơn vị thì trừ 02 điểm.</p> <p>TLKC: Kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Thanh tra tỉnh cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).</p>

7.6	Đề Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, chương trình, kế hoạch, đề án... đến hạn mà chưa hoàn thành.	Mỗi nội dung bị nhắc nhở, bị chậm trễ 2 điểm	TLKC: Văn bản phê bình, nhắc nhở (<i>Văn phòng UBND tỉnh thu thập và cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>).
7.7	Đề cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu làm cản trở cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.	Mỗi một ý kiến phản ánh bị trừ 1 điểm	TLKC: Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền (<i>Cơ quan chức năng cung cấp tài liệu kiểm chứng</i>) hoặc có bằng chứng xác thực khác.
	TỔNG ĐIỂM	100	

PHỤ LỤC 1

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH
về đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan cấp tỉnh
và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2033/QĐ-UBND ngày 11/ 10/2024
của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	Tên cơ quan	Ghi chú
I	Các sở, ban, ngành (thực hiện tiêu chí đánh giá, xếp loại tại <i>Chỉ số 01</i>)	
1	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Sở Nội vụ	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Sở Giao thông vận tải	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Sở Công Thương	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10	Sở Tư pháp	
11	Sở Tài chính	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	
13	Sở Thông tin và Truyền thông	
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
15	Sở Xây dựng	
16	Sở Y tế	
17	Sở Ngoại vụ	

18	Thanh tra tỉnh	
19	Ban Dân tộc	
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp	
II	UBND các huyện, thành, thị (<i>thực hiện tiêu chí đánh giá, xếp loại tại Chỉ số 02</i>)	
1	UBND thành phố Việt Trì	
2	UBND huyện Phù Ninh	
3	UBND huyện Lâm Thao	
4	UBND huyện Tam Nông	
5	UBND huyện Thanh Thủy	
6	UBND huyện Cẩm Khê	
7	UBND huyện Đoan Hùng	
8	UBND huyện Thanh Ba	
9	UBND huyện Hạ Hoà	
10	UBND huyện Yên Lập	
11	UBND huyện Tân Sơn	
12	UBND huyện Thanh Sơn	
13	UBND thị xã Phú Thọ	
III	Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh (<i>thực hiện tiêu chí đánh giá, xếp loại tại Chỉ số 03</i>)	
1	Khu Di tích lịch sử Đền Hùng	
2	Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Thọ	
3	Trường Đại học Hùng Vương	
4	Trường Cao đẳng Nghề Phú Thọ	
5	Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ	
IV	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (<i>thực hiện tiêu chí đánh giá, xếp loại tại Chỉ số 04</i>)	

1	Công an tỉnh Phú Thọ	
2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Thọ	
3	Kho bạc Nhà nước Phú Thọ	
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ	
5	Cục Thuế tỉnh Phú Thọ	
6	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Phú Thọ	
7	Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	
8	Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Phụ lục 2

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 202..**

Phú Thọ, ngày tháng năm 202..

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 10/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Họ và tên người đánh giá:

Ghi chú: Tỷ lệ cơ quan hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không quá 20% của tổng số cơ quan, đơn vị theo từng loại hình

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kết quả thẩm định của Tổ tư vấn		Điểm đánh giá của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Ghi chú
		Điểm thẩm định của Hội đồng thẩm định	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ		
I	Các sở, ban, ngành				
				
II	UBND các huyện, thành, thị				
				
III	Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh				
				
IV	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh				
				

Trân trọng cảm ơn ý kiến đánh giá của đồng chí!